

INDO-CHINOIS

1079

Dépôt legal

tirage : trois mille exemplaires

L'auteur

L'éditeur L'Imprimeur



== SỞ-TRƯỞNG ==

ĐÔNG-PHƯƠNG THƯ-XÃ XUẤT BẢN

NỮ LƯU

VĂN HỌC SỬ

女流文學史

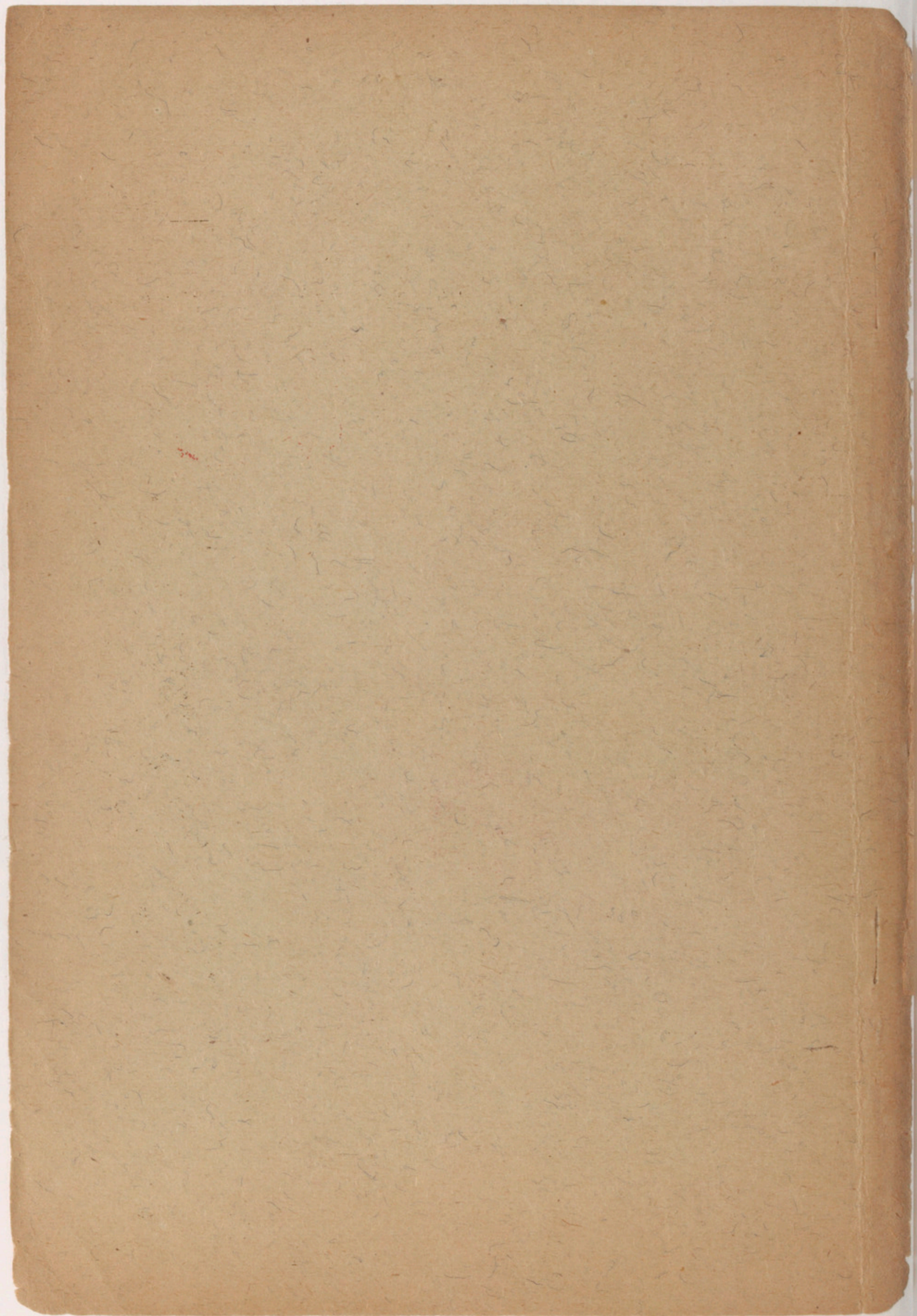


ĐÔNG-PHƯƠNG THƯ-XÃ



Giá 0 \$ 35

ĐÔNG-TÂY ÁN QUÁN
193, HÀNG BÔNG HÀ NỘI



SỞ CƯỜNG



NỮ LƯU VĂN HỌC SỬ



So Indoch.
1079

GIÁ 0835

Những sách tham khảo làm ra quyển

NỮ LƯU VĂN HỌC SỬ này:

Chuyết thập tập ký

Hương-khê Nguyễn-thị gia phả

Bản quốc di văn

Ni tần thi tập

Trùng bạch đường thư

Sơ kinh tân trang

Hoàng lê nhất thống chí

Vân-nan tiểu sử

Quốc sử di biên

Tang thương ngẫu lục

Quốc văn tông ký

Hồ - xuân - hương thi tập

Nguyệt án Lưu thị gia phả

Bản triều khoa lục

Nhàn khanh thi tập

Cộng dư thiệp ký

Bản quốc dị văn

Thần côi hiền linh lục

Kinh - bắc Như - quỳnh Trương - thị gia phả

Nam phong tạp chí

Truyện kỳ mạn lục

Đại nam liệt truyện

Đại nam thất lục

Bản quốc ký sự

Nam thiên trân dị tập

Diệu liên thi tập

Huệ phổ thi tập

Kiên văn tiểu lục

Bách liêu thi văn tập

Tựa

Số quốc dân trong một nước, nữ giới chiếm nửa phần, mà nửa phần ấy là cái cội gốc cho nửa phần khác là phần nam-giới nữa. Sao vậy! Nước gốc ở nhà, góp bao nhiêu nhà mới thành một nước, nhà thịnh vượng, nước mới có thể thịnh vượng, mà cái gốc ở trong nhà tại bọn nữ-lưu cả. Nếu bọn nữ-lưu đều có cái tư cách xứng đáng lương-thê hiền-mẫu, thì sao mà nhà không thịnh vượng, mọi nhà đều như vậy, sao mà nước không thịnh vượng.

Những nữ-lưu có tư cách ấy là nhờ có học thức, có tư tưởng mới nên, nước ta từ xưa theo cái tập quán riêng, không cho phụ nữ học, khiến cho bao nhiêu thông minh khuê tú, đều phải mai một trong một cái hoàn cảnh u ám, không tiến tới được chút nào, không phải là một sự tổn hại to cho nước nhà lắm ru?

Thử xem bọn nữ-lưu các nước Á-châu ta bây giờ như bà Tịch-Kiến Hoa-Khê 跡見花溪 bà Hạ-Điền Ca Tử 下田歌子 nước Nhật; như cô Trịnh-Dục-Tú 鄭籙秀 shimoda kuta ko cô Trần-Bích-Quân 陳璧君 nước Tàu; đều là nhờ học thức, mà giúp đỡ cho xã hội hai nước ấy được nhiều bề. Phụ-nữ như vậy, thực có kém gì bọn tu mi đâu? Nữ-lưu nước ta, không thiếu gì người thông minh tuệ-tú, mà lại được có giáo dục

như ngày nay, nếu có người gắng chí học hành, cho có tri-thức hoàn toàn, có nhân cách cao thượng, thì xã-bội nước ta tất nhiên cũng có một ngày vẻ vang như các nước được. Tác-giả hình hươg đính chúc mong có nhiều người được như vậy, một ngày nước nhà được như vậy.

Quyển Nữ-lưu văn-học-sử này, là một quyển sách khảo cổ, chỉ chuyên khảo về phương diện văn học của nữ-lưu nước ta ngày xưa, để cho biết nữ-lưu nước ta xưa nay cũng đã không thiếu gì bọn tài-hoa có học vấn, có văn chương truyền đời, để làm cái điển-tích cho văn học nước nhà và cũng lại biết mấy thời đại trước, nước ta tuy không cho nữ-lưu học mà cũng đã không thiếu gì người tiêm tâng tu dưỡng, học tự gia-đình, làm ra văn chương hay đề đời như vậy ; huống chi nữ-lưu ta ngày nay, đã được có giáo-dục, lại gặp ngày Âu-học thịnh hành thì sự học tập lại có nhiều phần dễ dàng nữa. May nhờ các bậc nữ-lưu gắng sức học hành, tu dưỡng lấy trí thức, chỉnh đốn lấy nhân cách, đem văn chương phẩm-hạnh, làm mô phạm cho nữ-lưu nước nhà, thì một ngày kia, trình độ nữ-giới tiến hóa biết chừng nào nữa.

SỞ CUỒNG

Hanoi, 17 Mai 1929

MINH-ĐÔ VƯƠNG-PHI

(明都王妃)

Bà phi tên là Nguyễn-thị Ngọc-Vinh (阮氏玉馨) tục xưng là đức bà Vàng, con gái Luân-quận-công, người làng Thịnh-mỹ, huyện Lôi-dương.

Bà sinh vào một nhà môn phiệt, lại rất thông tuệ, có học vấn và rất sở trường về quốc-âm ; từ lúc trẻ vào cung, được sách phong làm vương-phi, sủng hạnh nhất hậu cung, quyền thế khuynh thiên-hạ, có sinh ra được một bà quận-chúa, tục xưng là bà chúa Đỏ, và cũng xưng là Tiên-hoa công-chúa, bà quận-chúa ấy lại thông tuệ hơn người, chúa Minh-đô quý báu xem bằng hạt ngọc ở trên tay vậy. Bà quận-chúa đã cùng Hoàng-Chừ là ông Lê-duy-Vỹ đính hôn rồi, ông Duy-Vỹ là thái-tử con vua Hiến-tôn nhà Lê.

Bà phi thấy mình không con, thế-tử không phải là con mình, có ý muốn nhờ thế lực trong nội-điện, khiến con rể mình được cầm quyền, mà con gái mình làm mẫu-nghi thiên-hạ. Có một năm, gặp ngày tết, vương-phủ có tiệc yến hội, phân biệt tôn ti, dọn làm hai cỗ, Hoàng-Chừ ngồi ở trên giải chiếu đến năm trùng, còn thế-tử ngồi ở dưới, giải chiếu chỉ có ba trùng, bà phi lại đến dụ rằng : Hai quan-nhân tuy thân là anh em, mà nghĩa thì là vua tôi, cho nên tuy ở trong gia-đình, cũng không nên bỏ mất cái lễ tôn ti, thế-tử nghe nói giận lắm, không hề ăn đến thứ gì, chỉ lên cầm một đôi đĩa bạc ra, bẻ gãy mà thề cùng thái-tử rằng : Mai sau ta cầm chính trước, mà mày còn làm thái-tử, thì mày sẽ hóa thành cái xác lữa, Hoàng-Chừ cũng trả lời rằng :

Mai sau ta lên ngôi vua trước mà mày hãy còn làm thế tử, thì mày sẽ hóa ra làm cỏ mục; hai bên cùng cãi nhau đều có lòng muốn hãm hại lẫn nhau, nhưng chúa Trịnh chưa hề biết đến. Không bao lâu bà quận-chúa mất, cái hôn-nghi ấy bèn nửa chừng thôi, chúa Trịnh đề lòng thương nhớ con gái là quận-chúa, nhân sai bọn văn ban soạn một bài tế-văn bằng quốc-âm đề tế.

Bà phi thấy con mình chết rồi, biết cái chí mình không thành được, cho nên muốn lấy ơn với thế-tử, hết sức xin với chúa Trịnh phong cho thế-tử làm chức tiết-chế; đến tháng chạp năm Cảnh-hung thứ 20, bà phi cậy quyền lằng-lọng, và đối với cuug-tần, rất là đố kỵ, cho nên cuug-tần không ai được tiến yết cả, vừa nhân có một người sủng-ơ tên là Thị-Mỹ, chúa Trịnh sai Hoàng môn đòi vào hầu chăm-tịch, bà phi trông thấy nổi ghen lên, cầm hộp trầu bằng vàng, ném đánh Thị-Mỹ, mà ném nhằm phải chúa Trịnh, chúa Trịnh giận lắm, quan A-bảo tên là Phiêu-công trông thấy như vậy, lấy lụa đỏ bao tay mình, rồi dắt bà phi đuổi ra ngoài cửa phủ, giam tại bản dinh chợ huyện, ngoài thành Thăng-long, và những khí vật ở trong tâm điện, đều sai đào đất sâu ba thước mà lấp đi, bà phi hối hận, bèn làm hai bài tự-linh-văn bằng quốc-âm, lời lẽ rất hay, đưa vào cho chúa, mong chúa cảm ngộ. Chúa xem rồi, sinh lòng cảm động một cách lạ thường, rồi sai đoàn loan như trước, hai bài ấy đến nay hãy còn truyền tụng, nay lục một bài như sau này :

— 3 —

TỰ-TÌNH-VẤN

Trời cao muôn dặm thẳm xa,
 Quảng hàn nở đê hắng-nga lạnh lũng,
 Tưởng nguồn cơn khéo trạnh lòng,
 Trách duyên, dám trách cửu trùng thẳm phai
 Vả tôi kém sức, phạp tài,
 Nhảm thương muôn đội lượng giới chớ che.
 Xét mình bờ-liều le te,
 Dám rằng cù-mộc, dám khoe hảo-cầu.
 Phận thường mọn mảy nữ-lưu,
 Muôn mong xét biết ái ưu ghi lòng.
 Sách vàng rờ rở dễ phong,
 Những mong xứng chỉ chút công báo đền.
 Tuy rằng kỳ ngộ thiên duyên,
 Gót đầu toàn đội ơn trên tài bồi.
 Non ân , bề đức bằng giới.
 Muôn phần báo đáp chưa vời một ly.
 Trộm xem trên cả nhân nghi,
 Vậy nên áy-náy bắc chi mĩa-mai.
 Tay đầu bưng đợc miệng ai.
 Nắng mưa cũng tiếng mĩa mai lộ là.
 Thấy chiều thừa nguyệt phai hoa,
 Thừa cơ dễ khiến gièm pha nhiều điều.
 Nghĩ rằng đức Thuấn, nhân Nghiêu,
 Chớ che dù có đăm triều dầy vò.
 Chắc rằng sông núi hện hò,
 Hay đâu bề ái chút dò cũng hao.
 Đạo mầu há dám rằng sao,
 Canh chầy vò vô lâu cao nguyệt tà.
 Tưởng khi cầm sắt khúc hòa,

Trăm năm cù-mộc một nhà trúc mai.
Bảy giờ tin điển vãng lai,
Cửa ngán giây gió, nguyệt cái then sương.
Tưởng khi đầm ấm thiên-hương,
Ngửa trông một nghĩa đề gương muôn đời.
Đây giờ gần bèn xa đời ?
Một lòng khôn thở nhiều lời nề-nang.
Tưởng khi lam sánh nhà vàng,
Nghìn năm dễ trác một trường ánh xuân.
Bảy giờ cách điển ái lần,
Một bề trực đức chín lần khôn thâu.
Càng phen càng bối rối sầu,
Ngu-trung dễ thấu nhiệm mầu thiên-cơ.
Cớ chi nên nổi sinh sơ,
Bâng khuâng lòng ước ngán ngơ gia phiên.
Vi còn chồi quế non Yên,
Thi chi đến nổi nhiều phen thế này.
Nhớ như song gia khôn khuấy,
Buồn xem bể-nữ nước mây thêm ngừng.
Nhiều phen sấm chớp vang lừng,
Bồ-hòn đã đấng thì gừng lại cay.
Nào khi giá ngự bình-tây,
Cần lao dám ngại nước mây sương hàn.
Dây êm gối biếng ngồi cần,
Tắc gang nữ đề mấy ngàn riêng tây,
Vung lăm vả tiếng một ngày,
Nữ cho kẻ mọn sánh bầy rao ca.
Quản bao phận tiện già hoa,
Nữa trong thể thống quốc gia đường nào.
Dám xin tài quyết lượng cao,
Quyền cương nữ đề thay trao kẻ ngoài.

Vững phù mạnh nước lâu giải,
Đầu sao thì cũng là người nhà vương.
Chót là lam dự tao-khang,
Trị binh cũng lấy tam cương làm đầu.
Ngập ngừng kể lấy sự đầu,
Bút hoa mấy chữ, lệ châu đôi hàng.
Cả lòng xin trước nhà vàng,
Cây gương nhật nguyệt rõ ràng triều lâm.
Nghìn năm khắc cốt minh tâm,
Kẻ nông nổi chữ tình thâm thể cười.
Nền vương sáng rõ giữa giờ,
May nhờ hồng phúc muôn đời lâu xa.

Lại có một bài thơ rằng :

Mọn mây muôn trông đức cứu-trùng,
Giời cao đất rộng kể khôn cùng,
Trăm reo bệ ngọc còn e lệ,
Hương bén phòng tiêu luống ngại ngưng,
Đếm tóc chưa đền ơn thánh-đức,
Giắt tơ nay cậy sức thiên công,
Khôn trình ước vẹn niềm trung ái.
Ngỗ thỏa công sau đạo thuận tông.

HỒNG-HÀ NỮ-SỬ

(紅霞女史)

Nữ-sử nguyên danh là Đoàn-thị-Điềm (段氏 黠) người làng Hiến - p hạm huyện Văn-giang, em gái ông Đoàn Luân là giám sinh đời Lê, sau bà làm vợ thứ hai ông Nguyễn-Kiều, cho nên nhân đời lam họ Nguyễn.

Bà có tiếng là người học hay chữ, cùng với anh là ông giám-sinh chú-truyền, ở trong cuộc bút nghiên, cạnh tranh với nhan như là địch quốc. Có một hôm bà đang soi gương trang điểm, ông Luân thì rửa mặt ở bên bể nước, ông Luân vịnh một câu rằng: Đối kính họa my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm (對鏡畫眉一點翻成兩點) bà liền đáp lại một câu rằng: Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân, (臨池玩月隻輪轉作雙輪) xem thế đủ biết cái tài của bà mãn-tiếp biết chừng nào.

Đương lúc ấy có thái-học-sinh là ông Đặng-trần-Côn, hâm mộ cái tài học của bà, làm một bài thơ cảm đến yết kiến. Bà cười mà nói rằng: Trẻ con mới học có thắm thia vào đâu. Ông Đặng giận lắm, về nhà hết sức học hành, trong đời chúa Trịnh-oai-vương, kinh thành cấm lửa rất nghiêm ngặt, ông đào hầm ở dưới đất để đọc sách, siêng năng khác thường sau thành một nhà danh-sĩ.

Lại có một hôm xứ Hải-dương khảo hạch học trò, ra bài thơ «dáng-y đại quan», bà có làm gạ cho người một câu rằng: Lộ chung hải thượng tam thiên trượng, nhật xuất phù tang cửu vạn ban (露蒸海上三千丈日出扶桑九萬班) người ấy được ưu, từ đó nổi danh cả kinh ấp, ai cũng gọi bà là Ban tang là lấy chữ trong câu thơ mà đặt hiệu vậy.

Lại có ông Nguyễn Huy-Kỳ là người ở Thụy nguyên, ông Trần Danh-Tàn là người Cồ - am, ông Nguyễn Bá-Lân là người ở Cồ - Đô, ông Vũ-Toại là người ở Thiên-Lộc

đều là người hay chữ có tiếng, (kinh-đò xưng là Trường-an tứ-hồ) nghe tiếng bà cũng rủ nhau đến chơi, muốn cùng bà ngâm họa, thử xem hơn kém thế nào, bà ra một câu đối rằng: Đình tiền thiếu nữ động tàn-lang (庭前少女動殘榔) bốn ông đều không đối được mà về. Bà thường lại gặp ông Nguyễn-công Hằng ở giữa đường, ông Công-Hằng bảo bà vịnh bài độc-hành thi bà liền đọc ra câu rằng: Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu, truy tùy tả hữu cồ quăng thân (談論古今心腹友追隨左右股肱臣) ông Công-Hằng kính phục, thường cho bà mười quan tiền.

Đương đời Long-Đức, sứ Tàu sang ta tuyên phong vua sai bà chỉnh đốn y phục, đứng trực trước cửa Đoan-môn để tiếp rước, quan Chánh-sứ có ra một câu đối đề điều rằng: An-nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh, (安南一寸土不知幾人耕), bà đối ngay rằng: Bắc quốc chư đại phu, đa do thử đồ xuất (北國諸大夫多由此途出) quan Chánh-sứ hổ thẹn đỏ mặt lên,

Văn chương của bà phần nhiều là văn chữ Hán, bà có làm tục bộ « truyền-ký » có bốn truyện, như chuyện Liễu-hạnh-công-chúa, An-ấp liệt-nữ, người thường truyền tụng. Văn quốc-âm thi chỉ thấy có bài dịch chính-phụ ngâm đến nay hãy còn truyền tụng.

Lúc bà thiếu-niên kén chồng quá nghiệt khắc, vì duyên số trắc trở, không như ý được, sau quá tuổi lấy ông Nguyễn-kiều, hai ông bà ở trong khuê-phòng kính nhau như khách, cho nên đương thời truyền làm một vận sự hay.

Lúc bà tuổi đã bảy mươi, hãy còn qua lại ở nơi kinh ấp, mở trường dạy học trò, thành đạt được vài mươi người.

CHINH PHU NGÂM

Thửa gò đất nổi cơn gió bụi,
Khách má-hồng nhiều nổi chuân chuyén.
Xanh kia thăm thăm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nổi này.
Trống Tràng-thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam-toàn mờ mịt thức mây
Chín lần gươm báu chao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.
Nước thanh bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây,
Sứ-giời sớm dục đường mây.
Phép công là trọng niềm tư sá nào,
Đường dong ruồi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiên đưa lòng vương thê-noa,
Bóng cờ tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng,
Chàng tuổi trẻ vốn rông hào-kiệt,
Sếp bút nghiên theo việc đao-cung.
Thành liền mong tiến Bệ-rông,
Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc giời.
Chi làm giai dậm nghìn da ngựa,
Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng mao,
Đã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.
Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non,
Đưa chàng lòng giặc giặc buồn,

Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

Nước có chảy mà phiền chẳng tá,
Cỏ có thơm mà giạ chẳng khuấy,

Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước phút giây lại dừng.

Lòng thiếp tựa bóng giăng theo rồi,
Chàng sâu xa tìm cõi thiên san.

Múa hươu riệu tiên chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang-beo
Sấn lán lán rặng theo Giới-tử,

Tới Man-khê bàn sự Phục-ba,

Áo chàng đỡ tựa dáng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

Tiếng nhạc ngựa lán chen tiếng trống.
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.

Hà-lương chia rẽ đường này,
Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi.

Quân trước đã gần ngoài doanh liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng-dương.

Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu-dương biết thiếp đoạn trường này chă ng.

Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phất phơ.

Giấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngàn ngơ nổi nhà,

Chàng thi đi cõi xa mưa gió.
Thiếp thi về buồng cũ chiếu chầu.

Đoái trông nhau đã cách ngàn,
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.

Chốn Hàm dương chàng còn ngánh lại,
Bến Tiên-tương thiếp hãy trông sang.

Khởi Tiêu tương cách Hàm dương,
Cây Hàm dương cách Tiêu tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn giâu,
Ngàn giâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai ?
Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm giăng này nghĩ mát phương nao ?
Xưa nay chiến địa nhường bao,
Nỗi không muôn dặm xiết sao dài dẫu !
Hơi gió lạnh người dầu mặt đạn,
Giòng nước sâu ngựa nấn chân bon,
Ôm yên, gối trống đã chồn,
Năm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh.
Nay Hàn xuống Bạch thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh hải dòm qua,
Hình khe thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nổi, thấp đà lại cao,
Sương đầu núi buổi chiều như giội,
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu,
Nào người áo giáp bấy lâu,
Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuấy,
Trên trướng gấm thấu hay chẳng nhẽ ?
Mặt chinh-phụ ai vẽ cho nên,
Trưởng chàng dong ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Hãn hải thì miền quan san,
Đã chắc chờ đời ngàn sà hồ,
Lại lạnh lũng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng,

Lòng nào là chẳng động lòng bi thương,
Chàng từ sang đông nam khơi nẻo,
Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu.
Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.
Nức hơi mạnh ơn giầy từ trước,
Chải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu ?
Non kỳ qạnh quẽ giăng treo,
Bến Phi gió thổi điu hiu mấy gò.
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh-phu giăng dôi dôi soi.
Chinh-phu tử-sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn ?
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương.
Phận giai giải ruồi chiến-trường.
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về !
Tưởng chàng chải nhiều bề nắng nỏ,
Ba thước gươm, một cổ nhung yên.
Xông pha gió bãi giăng ngàn,
Tên cheo đầu ngựa pháo gian mặt thành.
Áng công-danh trăm đường dộn dã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết ngổ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay.
Những mong cá nước vui vầy,
Bao giờ đôi ngả nước mây cách vời.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh-phu,

Chàng há từng học lũ vương tôn.
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thời sớm thời hôm những sầu.
Chàng phong lưu đương chừg niên-thiếu,
Sánh nhau cùng đàn diu chữ duyên,
Nữ nào đôi lứa thiếu-niên,
Quan sơn để cách hàn huyền sao đành?
Thửa lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã đục oanh già,
Ý-nhi lại gáy trước nhà liu lo.
Thửa đặng đờ mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quuyến gió đông,
Hành-dung lại đã bên sông bơ sờ.
Hẹn cùng ta Lũ-tây-nham ấy,
Sớm đã trông nào thấy hơi tăm?
Ngập ngừng lá rụng cảnh trâm,
Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm xôn sao.
Hẹn nơi nao Hán dương cầu nọ,
Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
Ngập ngừng gió thổi chiến bào,
Đã hôm tuôn dậy nước chiều mệnh mông.
Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã chải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Chân đi một bước trăm tình ngàn ngơ.
Thư thường tới người chưa thấy tới,
Bức rèm thưa lẫn dải bóng dương.

Bóng dương mây buổi xuyên ngang,
Nhờ sao mười hẹn chín thường đơn sai.
Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,
Tiền sen này đã nầy là ba.
Xót người lần lửa ải xa.
Xót người nương trốn hoàng-hoa dạm ngoài.
Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão-thân, khuê-phụ nhớ thương!
Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ mắng sữa vả đờng bù tri,
Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiệp đã hiếu-nam,
Giấy con đèn sách thiệp làm phụ thân.
Nay một thân nuôi già giậy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao.
Nhớ chàng trai mấy sương sao,
Xuân từng đời mới, đông nào có dư.
Kể năm đã ba tư cách diễn,
Mối sầu thêm nghìn vạn ngọn ngang.
Ước gì gần gũi tác gang,
Dở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
Thoa cung lán thua ngày xuất giá,
Gương lâu lặn dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gửi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư,
Nhẫn đeo tay gọi khi ngắm nghĩa,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.

Chải mấy xuân tin đi tin lại
Tới xuân này tin hãy vắng không,
Thấy nhận luồng tưởng thư phong,
Nghe hơi sương sấm áo bông sẵn sàng
Gió tây nổi không đường hồng tiệp,
Xót cõi ngoài tuyết quyến mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.
Đề chữ gấm phong thôi lại mở,
Reo bói tiền tin dở còn ngờ.
Giời hôm tựa bóng ngần ngợ,
Ciang khuya nương gối bơ phờ tóc mai.
Há như ai hôn say bóng lẫn.
Bông thơ thơ, thần thần như không.
Trâm cài xiêm dất then thùng.
Lệch vòng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
Đạo hiên vắng thềm gieo từng bước,
Ngoài dèm thừa, rủ thác đòi phen.
Ngoài dèm thước chẳng mách tin,
Trong dèm nhường đã có đèn biết chẳng
Đèn có biết nhường đèn chẳng biết,
Lòng thiệp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên nhời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương,
Gà eo óc gáy sương năm trống.
Lòe phất phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đằng mấy niên.
Mối sầu dằng dặc tựa miền bề xa.
Lương gượng đốt hồn đà mê mải.

Sương gượng soi lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,
Giây uyen kinh đứt, phiếm loan ngại trùng.
Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng giời.
Giời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Kỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cành cây sương dọt tiếng trùng mưa phun.
Sương như búa bổ mòn gốc liễu,
Tuyết như cưa cưa xẻ héo cành ngô.
Thiot sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lặn trước rèm,
Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.
Đâu xiết kể muôn sầu nghìn nỗi,
Từ nữ-công phụ-xảo đều người.
Biếng cầm kim, bình đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa,
Mặt biếng tô miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều rời rời nương song,

Nương song luống ngấn ngơ lòng,
Vắng chàng điếm phấn, trang hồng với ai
Biêng trang điếm lòng người sầu tủi,
Sốt nổi chàng ngoài cõi Giang-lãng.
Khác gì ả Chức, chị Hằng,
Bên Ngân sùi sụt cung-giăng chốc mòng.
Sầu ôm nặng hãi chồng làm gối,
Muộn ôm dày hãi thối làm cơm.
Rượu cùng hoa dập tả đằm,
Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi.
Gỗ sênh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phẩm rời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa thêm mỗi, chấp đầy lại với.
Ca quyền gheo làm rơi nước mắt,
Trống tiêu khua như đứn bùng gan.
Võ vàng đổi khác dong nhan.
Khuê ly mới biết tâm toan nường này.
Nêm chua cay tẩm lòng mới tỏ.
Chua cay này há có vì ai.
Vị chàng lệ thiệp rỏ đôi,
Vị chàng thân thiệp lẽ loi một bề.
Thân thiệp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiệp nào chút vương bên khăn,
Sớm còn hồn mộng được gần,
Đêm đêm thường tới giang-tân tìm người.
Tim chàng thuở Dương-đài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương-phố bên xưa.
Xum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng-xuân.
Dận thiệp thân lại không bằng mộng,

Theo gần c' àng bến Lũng thành Quan.
 Khi mơ những tiếc k' i tàn,
 Tỉnh trong giấc mộng, muôn vạn cũng không.
 Vui có một tấm lòng chẳng dứt,
 Vốn theo chàng giờ khắc nào người.
 Lòng theo nhưng chữa thấy người,
 Lên cao mấy lúc trông vờ bánh xe.
 Trông bến-nam bãi che mặt nước,
 Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh.
 Nhà-thôn mấy xóm chông chênh,
 Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hóm.
 Trông đường-bắc đôi chòm quán khách.
 Rờm rà cây xanh ngắt núi non.
 Lúa thành thoi thóp bên cồn,
 Nghe thoi ngọc địch véo von bên lầu.
 Non-đông thấy lá hầu bắt đống,
 Trĩ sập sè mai cũng bẻ bai,
 Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
 Con chim bạt gió lạc loài kêu sương.
 Lũng-tây chảy nước nhưong uốn khúc,
 Nhận liệng không sóng đục thuyền câu.
 Ngàn thông chen chúc khóm lau,
 Cách ghềnh thấp thoáng người đâu đi về.
 Trông bốn bề chân giới mặt đất,
 Lên xuống lầu thẳm thoát đời phen,
 Lốp mây ngừng mặt khôn nhìn.
 Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc-quan.
 Gậy rút đất ỷ khôn học chước,
 Khăn gieo cầu nào được thấy Tiên.



Lòng này hóa đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trên lầu.
Lúc ngoảnh lại ngắm màu Dương-liễu,
Thời khuyên chàng đừng chịu trước phong.
(hẳng hay muôn dặm ruồi dong,
Lòng chàng có cũng như lòng thi p chẳng?
Lòng chàng ví cũng bằng như thề,
Lòng thi p nào dám nghĩ gần xa,
Hương dương lòng thi p như hoa,
Lòng chàng lẫn thân e tà bóng dương.
Éng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương,
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần,
Chồi lan nở trước sân đã hái,
Ngọn hồng tần bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm đạo bước tiền đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên hương thần thờ.
Bóng Ngân hán khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê triển buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhạt nồng,
Chuôi sao Bắc đẩu thôi đông lại đoài,
Một năm một nhật mùi son phấn,
Trọng-phu còn thơ thần miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nữ đề cách với Sâm-Thương.
Chàng ruồi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp đạo hải lâu cũ đều in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khả thương nhớ hết mấy phen lương thi.

Sây đến khi cảnh diêu đóa nguy,
Trước gió xuân vàng tia sánh nhau.
Nọ thi ả Chức chàng Ngâu,
Tới giảng thu lại bắc cầu qua sông,
Thương một kẻ phòng không luống giữ,
Thời tiết lạnh nhằm nhớ đòi nau.
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thắm thoát qua mùa xuân xanh,
Xuân thu để giận quanh ở dạ,
Hợp ly đành buồn quá khi vui.
Oán sâu nhiều mối tơ bời,
Vóc bồ liễu rẽ ép nài chiều xuân.
Kia Văn-quân mỹ miều thừa trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan-lang,
Đến khi mái tóc điểm sương cũng ngưng.
Nghĩ nhan sắc đương chùng hoa nở,
Tiếc quang-âm lẫn lửa gieo qua.
Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc sây ra nạ dòng.
Gác nguyệt nọ mơ màng vẽ mặt,
Lâu hoa kia phảng phất mùi hương.
Trách giới sao để nhớ nhàng,
Thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.
Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng dập diu chẳng vội phân trương.
Chẳng xem chim yến trên lương,
Bạc đầu không nhớ đòi đường rẽ nhau.
Kia loài sâu đòi đầu cũng sánh,
Nọ loài chim chấp cánh cùng bay.

Liều sen là thứ cỏ cây,
Đôi hoa cũng sánh, đôi cây cũng liền.
Ấy loài vật tinh duyên còn thế.
Sao kiếp người nữ đề đây đây.
Thiếp xin về kiếp sau này,
Như chim liền cánh, như cây liền cành.
Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì dũ mãi lấy màu trẻ trung.
Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vầng nguyệt phủ nguyên,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.
Lòng hứa quốc thắm sơn ngàn ngắt,
Sức tỵ dân cứng sắc chơ chơ.
Máu Thuyền-Vu quắc Mạt đê,
Ay thì buổi uống, ấy thì bữa ăn.
Mũi đồng bác đời lần hăm hờ,
Đã lòng giới đìn giữ người trung.
Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải Bắc, treo cung non Đoài.
Bóng kỳ-sỹ giã ngoài quan ải,
Tiếng khái-ca dờ lại Thần kinh.
Đình non xưa đã để danh,
Triều thiên vào trước cung đình dẫu công,
Nước doanh Hán viết đong rura sạch,
Khúc nhạc-từ réo rất lừng khen.
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác khói, tượng truyền đài lân

Nền huân-tướng đai cán rạng vẻ,
Chữ đồng hưu bia thẻ nghìn đồng.
Ơn trên tử ấm thè phong,
Phận vinh thiếp cũng được chung hương giới.
Thiếp chẳng giai như người Tô phụ,
Chàng chắc không như lữ Lạc-dương.
Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khụng cử dâm trề trắng làm cao.
Xin vì chàng sắp bào, côi giáp,
Xin vì chàng dũ lớp phong sương.
Vi chàng tay chúc chén vàng,
Vi chàng điếm phấn đeo hương nảo nung.
Dở khăn lệ chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu chàng thăm từng câu,
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi nhời.
Sẽ rót với lần lần đời chén.
Sẽ ca dần đen dần từng thiên.
Liên ngâm đối ẩm từng phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thừa thái-bình.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Nhường này ân hân tại lãnh trượng phu.

NI-TÀN

(尼 嬪)

Xưa có một bà phi tần, không biết là người đời nào, tên họ là gì, cứ theo sách chép lại, thì biết bà là con gái một nhà đàn-giá, học thông Kinh sử, có tài thi văn, tính rất điềm đạm, không chịu lấy chồng, đến khi tuổi lớn bà xuất giá tu hành.

Tiên-hoa-viện Pháp-vân-hạc-đạo-am là chỗ bà tu trai giảng đạo, bà ở chỗ am ấy, thường có khi đến cả năm, không bước chân đến nơi thành thị; Vua nghe tiếng sai sứ đòi vào, bà nghĩ rằng mệnh lệnh của nhà vua không dám từ, bèn theo sứ vào kinh yết kiến, được vua khen, lựa vào hàng cung tần, sung chức tài-nhân. Bà sẵn có thiên tính, việc gì cũng phú tự nhiên, sau khi đi vào cung, lại nhận tịch có phong-tri, hay ngâm vịnh đề tiên khiên, thường nói với người thị tỳ rằng: Ta bây giờ chính là lúc vô sự và cũng vô tâm. đối với thiên tính ta lại có nhiều điều sở đắc.

Bà có tập thơ quốc âm, gọi là Ni tần thi tập cả thầy hơn năm mươi bài, ngâm về mùa thu mười bài, mùa đông mười bài, mùa xuân mười bài, mùa hạ mười bài tập vịnh mười bài, trong các bài đều là cái lời nói với thị tỳ, bất ngoại mấy chữ vô sự vô tâm mà thôi.

Thơ ngâm tứ thời, mà bắt đầu từ thu, là nhân lúc bà vào cung, chính là cuối hạ đầu thu, còn mấy bài tập-vịnh, đều là sau khi vào cung, bà cảm xúc mà làm ra vậy, nay lược dẫn mấy bài như sau này :

NI TẦN THI TẬP

Thu-ngâm

Đôi thay hạ nắng lại thu mưa
Chốn thượng-dương đã mấy sớm trưa
Triều mượn phấn son lòng hãy thẹn
Mùi pha cá thịt dạ chưa ưa
Bên hoa triện ngọc ngồi ngơ ngẩn
Dưới nguyệt rèm châu đứng thần thơ
Qua lại chị em như có hỏi
Thẹn thường còn chữa biết lời thưa

Đông ngâm

Kề đã ba trăng chốn ngọc-dài
Lần lần ngày vẫn lại đêm dài
Vội nắm trướng cuốn thường quên rủ
Ngái ngủ trâm rơi những biếng cài
Sớm mặc hoa rơi bên đóa liễu
Khuya dầu trắng ngã dưới cành mai
Không ai ghen, cũng không ai ghét
Mà có ghen ai, có ghét ai

Xuân ngâm

Cung sâu trong trướng lại qua mừng
Tha thiết người thay hỏi gió đông
Man mát nhị vàng chen nhị trắng
Phất phơ cành biếc tựa cành hồng
Rượu hoa nhấp thử một vài chén
Bà lá ngồi chơi năm bảy đồng
Nào phải tính xưa quen hi hước
Chị em yêu đến phải chiều lòng

Ngày thu nhân loại

Trương gấm màn the dải nệm là
Tôi bời phấn sáp lại hương hoa
Ngõ trong đèn Hán màu cung kiếm
Sá tướng cung Tần thối lệ-xa
Tiết sạch lòng ưa cô tuyết trẻ
Màu thanh tình hợp chị trắng già
Chút niềm cách trở là khi mới
Sau rặt như ngày mới xuất gia

TRƯƠNG QUỲNH NHƯ

(張琼如)

Cô Quỳnh-Như họ Trương, tiểu-tự là Xuân-hương, là con gái cụ Thượng-thư Kiến-xuyên-hầu Trương-đăng-Quỹ, mà lại là em gái quan Thanh-xuyên-hầu, người làng Thanh-nê thuộc về xứ Sơn-nam (tỉnh Nam định bây giờ)

Khi còn con bé, mặc quần áo con trai, đi học như mọi người học trò khác, cô rất thông minh, học hành tấa tới là thường, thường cùng một nhà danh sĩ tên là Chiêu Lý xướng họa.

Cụ Thượng muốn gả cô cho ông Chiêu-Lý, nhưng bà mẹ cô, nghĩ cô một mình cô là gái, không gả đi xa, sau có anh trọc-phú đem nhiều của đút lót xin lấy. Cô Quỳnh-Như nhất định không nghe. Bà mẹ thời thường mắng trách ; cô uất ức thành bệnh mà chết.

Cô thích ngâm vịnh, mà rất sở trường thơ quốc âm, may lược chép những bài trong tập Quỳnh-Như thi tập như sau này :

QUỲNH NHƯ THI TẬP

Sơn âm cổ tự

Thích nhân từng trải thú sơn hà
Phong cảnh đây ru, là gọi là
Roành chớ bè từ vờn sắc ngọc
Đỉnh in trắng tuệ tổ màu hoa
Vèo von kệ mới câu chim róng
Riu rít đàn xuân khúc gió hòa
Dù chẳng tiên ru, nhưng chẳng tục
Mời hay rằng Phật cũng là ta.

Tiền ông Chiêu Lý về quê

Sắt đá lòng này đã biết chẳng ?
Xe duyên nay mượn gió cung Đàng.
Vườn đào sức thấy oanh đưa tin,
Dặm liễu ai xui yến cách chừng.
Vàng ngọc nếu chẳng cùng một ước.
Nước non thề đã có hai vùng.
Ai sang cây hỏi tri âm với ?
Chớ phụ cầm thư đợi dưới trăng,

THƠ VINH MƯỜI HAI GIỜ

Giờ tý

Giờ tý canh khuya thừa giáp canh,
Giận ai thôn thức rộn tâm tình !
Ngửa ngang đôi ngả ai là bạn,
Trần trọc đòi nao thấy những mình.
Một tấm sắt son đà gấn bó,
Mấy điều trắng gió cũng màng tên
Thôi thôi dặn hãy làm thình vậ
Mọi nỗi chung riêng hãy để dành.

Giờ Sửu

Đằng đẵng canh dài khà trách đêm
Điu hiu giờ Sửu giấc nào êm
Tiếng hàn-niêm nện, hơi sương lạnh
Trận hỏa-thang nồng, giá sắt mềm
Eo óc giục người gà nội quạnh,
Véo von gọi khách để bên thềm.
Vắt tay ngang mặt mong cho sáng,
Thấy sáng, mà sâu đã lại thêm.

Giờ dần

Ciờ dần eo có lộ vừng hồng,
Nghĩ nổi chung tình bận tấm lòng.
Điều thuốc say tình không ý vị,
Chén trè nịnh tình kém hương phong.
Biết ai lừa bạn làm khuấy khoa ?
Dầu mấy tôi đòi chẳng nảo nùng.
Rầu rĩ thế này buồn thế ấy ;
Sầu riêng thấy mặt mới là xong.

Giờ mao

Mao thì đến bữa tưởng là vui,
Đến bữa mà sao những ngậm ngùi ;
Đũa gắp ngập ngừng không thấy miếng,
Miệng ăn mặn nhạt chẳng ra mùi.
Thức ngon vật lạ bản khoán những
Của đảng đồ cay đắng gói ngòi.
Nhiều ít bấy giờ ai ép uồng,
Cũng mong qua bữa tếch cho rồi !

Giờ thin

Điêm trang rồi bữa khắc giờ thin,
Tình việc trong nhà lại việc riêng.
Ngõ hạnh đi về chân ngại bước,
Vườn hoa tươi ủ mắt khôn nhìn !
Đường kia ngõ ngằn không khi nhãng,
Nôi nọ trông mong ước thấy tin.

.
.

Còn đương ngâm nghĩ, hỡi đương bàn,
Thấm thoát trông chừng tị phút sang.
Khách khừa đập diu khôn đãi đọa,
Văn thơ trề nãi biển lo toan.
Nghĩ mình vì tiện nên nông nổi,
Ít kể tâm tình được thở than !
Cũng muốn khuấy, mà khuấy chẳng được,
Thanh-niên này dễ kém hồng-nhan.

Giờ ngộ

Buổi ngộ-dương hồi bóng phất phơ,
Lửa tương tư đã chất nên lò !
Đói no dầu chịu nào bụi ngọt,
Sơn phấn vui gì sự diêm tô !
Cây rấp lảnh mình miền thảo-giã,
Song còn bận bước chốn thành-đô.
Thôi đừng thắc mắc làm chi nữa,
Đã chắc định ninh lúc dạn dò.

Giờ mùi

Rong thắm giờ mùi chẳng đấu thưng,
Vi ai nên nổi, cũng vì chung...
Mượn vảy sơn thủy làm khuấy khuấy,
Chất lửa tương tư để cháy bùng.
Cách điệu dịu dàng nào kẻ biết ?
Áo khăn xói xốc dễ ai nâng ?
Nhưng là rầu rĩ, là buồn bực !
Trăm vẻ đào hồng cũng đứng đưng !

Giờ thân

Ban chiều bóng đã xế về thân,
Sực tưởng nguồn cơn nổi ái ân.

Chẳng dám học ai trau chuốt ngọc
Màng bao mượn khách truyện trò xuân
Thần thơ

.

Tưởng lúc bày giờ trông thấy mặt,
Đỡ vui nỉa khắc giá nghìn cân !

Giờ dậu

Dậu về buổi tối tủi duyên thầm !
Bỗng thấy ai như ! đã lại nhầm !
Rắp hỏi người Hàn sao quanh bếp,
Nào ai nàng Mạnh chẳng bưng mâm.
Cợt cười mấy chuyện không đề họa,
Ca đọc ba câu vắng tiếng tằm.
Chợt tỉnh tâm tình năn nỉ vậy,
Đèn xanh chong bóng ngại khôn nằm.

Giờ tuất (dùng văn xuân)

(Hai bài này của ông
Chiêu-Lý (Phạm-Thái) làm thay)

Giờ tuất canh sang được mấy phần,
Càng thêm ngao ngán bận lòng xuân.
Nguyệt mờ trướng ngọc, khôn êm gối !
Gió lạnh rèm hoa ngại lẽ chẵn !
Nghĩ nỗi tình riêng khôn kể biết,
Tưởng điều tâm sự, mấy người thân ?
Bóng dầu dù tỏ dù không tỏ !
Tài-tử giai-nhân vốn nợ nần.

Giờ hội (dòng văn hương)

Hội sang xanh biếc ngọn đèn tàn,
Gượng đốt lò vàng ngại với hương.

.
.

Canh gà eo óc khua bên chường,
Hồi cốc bắn khoán giục dưới tường.
Mấy kẻ chung tình ai đã nhập,
Hay còn trần trọc nỗi người thương !

NGỌC-HÀN CÔNG-CHÚA

(玉 賢 公 主)

Bà Ngọc-Hàn công-chúa là con vua Hiền tôn nhà Lê, từ lúc trẻ được giáo huấn ở trong cung đình, thông suốt đồ sử, lại tinh âm luật làm văn quốc âm rất hay.

Bà sinh ra nhan sắc đẹp đẽ, vua Hiền-tôn rất quý yêu, ngài thường nói rằng: Con gái này sau nên gả làm vương-phi, chớ không nên gả cho những bọn phò-mã tầm thường.

Kịp đến lúc Nguyễn hữu-Chỉnh cùng chúa Quang-Trung đem binh ra đánh Bắc-hà, xưng nghĩa phù Lê diệt Trịnh, chúa Trịnh thua chạy chúa Quang-trung vào đô thành đóng tại phủ chúa Trịnh, rồi liền xin vào yết kiến vua Lê, thuật bản tâm tôn phù để thất, bãi triều rồi về phủ; vua Lê sai triều-quan sách phong cho chúa Quang-trung chức nguyên-súy oai quốc-công.

Chúa Quang-trung sai sứ tạ ân, rất là cẩn thận, rồi lại bảo Nguyễn-hữu Chỉnh rằng: Ta xuất mấy vạn quân đến đây, một trận đánh mà định cả thiên-hạ, tấc đất nào, người dân nào, không phải là của ta; nếu ta xưng đế xưng vương, thế nào chẳng được, nhưng ta không làm như vậy, chỉ hết lòng với nhà Lê, nay vua Lê cho ta chức nguyên-súy quốc-công, ta nào có cần gì, không phải là lấy cái hư-danh mà ràng buộc ta sao. Nếu ta không nhận chức ấy, thì e vua bảo ta là ngạo, ta nhận chức mà không nói gì, thì e người Bắc-hà bảo ta là người không biết gì, cho nên ta phải nói.

Nguyễn-hữu-Chỉnh biết ý chúa Quang-trung chưa bằng lòng, liền giả làm lời vua Lê nói tư với mình, mà hỏi với chúa Quang-trung rằng: Hoàng-đế có nói riêng với tôi rằng: nhà vua bổng lộc rất là kiệm bạc, không lấy gì mà tặng minh-công, để tỏ lòng cảm tạ, tuy biết danh

tước nhỏ mọn như vậy, không lấy gì đủ làm tôn trọng ; nhưng tục nước nhà vẫn quý trọng lễ tiết, cho nên cũng sách phong một chức tước, để tỏ cái lòng kính mến minh-công, ý hoàng đế lại nghĩ rằng : Xuân-thu ngài đã cao, e sau khi ông về, không biết lấy ai mà nương nhờ, cho nên muốn liên lạc cái thân nghị hai họ, đời đời cùng làm thông-gia, chỉ chưa biết ý minh-công thế nào, cho nên chưa dám nói rõ.

Chúa Quang-trung trả lời rằng « Xưa nay cái tình tự kẻ chính-phu, vẫn thiết nhớ đến chốn hương khuê, hoàng-thượng cũng rõ thấu đến như vậy sao ; nay ta là em vua Tây-sơn, mà làm rể vua nhà Lê, môn đương hộ đối, như thế tưởng cũng là một việc ít có.

Nguyễn-hữu-Chỉnh biết ý chúa Quan-trung bằng lòng, liền vào tâu với vua Lê, thuật hết cả đầu đuôi như vậy, và hỏi ngài hỡi còn mấy bà công-chúa chưa gả chồng.

Vua Lê cũng bằng lòng, nói với Nguyễn-hữu-Chỉnh rằng : Các công-chúa hỡi còn nhiều người chưa gả, nhưng chỉ có Ngọc-Hân là có tư-sắc hơn, nhưng không biết tự ngoài xem thì ra thế nào ; để ta gọi hết cả công-chúa ra, để nhà người xem lựa thử người nào là xứng đáng thì người tán thành cho nên việc ấy.

Nói xong Vua liền sai cung-nữ đòi các công-chúa ra ; một lát thì các công-chúa điều ra trước ngự tiền, Hữu-Chỉnh xem xong, tâu rằng : « Thế được rồi, nhân duyên tốt đẹp ấy tôi xin chu toàn cho nên việc ».

Hữu-Chỉnh trở về lại nói với chúa Quang-trung rằng : Tôi đã đem những lời minh-công tâu với hoàng-thượng, ngài rất bằng lòng, ngài có bảo tôi rằng : Được ý minh-công như vậy cũng là thiên-duyên, ngài có bà

công-chúa, thứ chín tên là Ngọc Hàn, mới mười sáu tuổi, xin sung vào hậu-đình, để gây nên thân hiệu đời đời.

Chúa Quang-trung đáp rằng: Ta xin chúc hoàng-thượng vạn tuế; ta ở nơi thâm sơn cùng cốc mới đến, đâu dám đường đột như vậy, may sao được phụ vào kim chi ngọc diệp, thực là một cái duyên may, xưa nay chưa từng có, vinh hạnh biết là chừng nào.

Hữu-Chỉnh lại vào cung đem lời chúa Quang-trung tâu lại với vua Lê, vua bèn gả công-chúa cho chúa Quang-trung.

Chúa Quang-trung sai đem hoàng-kim hai trăm lạng, đoạn hoa hai mươi cây, lại trần thiết nghi-trượng kỳ xi, phái văn-thần đem dâng trước đền Vạn-thọ, vua Lê sai hoàng-tử là Sùng-nhượng-công tiếp thư, đem cáo thái-miếu; lại gọi các hoàng thân phi chúa, cùng các quan văn võ, sắp sửa xe ngựa châu chực trước cửa đền, để đưa công-chúa về phủ.

Đến ngày hôm sau, chúa Quang-trung sai quần thần dâng tờ tập-tấu, xin đón dâu về, và phái quân lính bày hàng hai bên đường, từ cửa phủ cho đến cửa đền, nghi vệ rất trang nghiêm, các sĩ nữ ở đế-đô đến xem rất là náo-nhiệt, lấy làm một việc từ xưa chưa có vậy.

Khi rước xe bà công-chúa vào đến cửa phủ, chúa Quang-trung ngự kiệu rồng ra đón.

Bà công-chúa đã vào trong cung phủ rồi, chúa Quang-Trung đặt tiệc để thết đãi những hoàng thân, phi chúa, và văn võ đại thần hai bên.

Tiệc rồi, chúa Quang-trung lại đặt 200 lạng bạch kim để làm đồ tổng tặng, đưa tiễn các quan ra đến ngoài cửa phủ rồi mới trở vào.

Các quan về rồi, hội tại công-đường bộ lễ, đều mừng rằng thiên-tử nay có qui-tế, và nước ta từ nay, lại có một nước thông hôn mới.

Có một hôm công-chúa cùng chúa Quang-trung đi lễ nhà Thái-miếu về, ngồi chung với nhau một xe, chúa Quang-trung có tinh kiêu căng nói với Bà chúa rằng : Các ả gái nhà vua, có ai được như công chúa vinh hoa thế này. Bà chúa thưa rằng : Hoàng gia bổng lộc không được bao nhiêu, các hoàng-tử hoàng-nữ đều thanh bần cả, chỉ có một mình thiếp phận đẹp duyên may được gả cho linh-công, vì cũng như nước mưa hóa ra hạt ngọc bay ở trên không, khi may mà bay lọt vào trong lâu đài, đó là cái hạnh-phúc của thiếp. Chúa Quang-trung nghe rồi, vừa cười vừa vỗ hai má bà chúa, tỏ ra đắc-ý lắm.

Không bao lâu vua Lê lâm bệnh, chúa Quang-trung muốn kịp khi vua còn đương sống, ra ngồi chịu triều hạ, để mừng sự nghiệp nhất thống, và để bá-cáo trong ngoài, cho trọn cái công mình xưng nghĩa tôn phù, nhân tâu xin vua Lê, đặt lễ đại-triều, đến bữa ấy trần thiết lễ nhạc ở ngoài bệ rồng, đông tây hai bên, đều bày lỗ bộ nghi vệ rất trang nghiêm.

Tâu xin vua Lê ra ngồi lên ngự-tọa, phát ba tiếng sủng đề ra hiệu lệnh, các quan theo ban triều hạ ; xong lễ rồi, ban tờ chiếu thư đề bá cáo về việc nhất thống thiên-hạ, yết thị treo tại Quảng-văn-đình ngoài cửa Đại-hưng, (tức là cửa nam thành Thăng-long ngày xưa).

Đến bữa sau, vua Lê bệnh nặng bà công chúa xin chúa Quang-trung vào châu thăm bệnh, chúa Quang-trung đáp rằng : Tôi với hoàng thượng nghĩa như cha con, tôi cũng muốn đương lúc ngài còn sống, được trông nhan sắc, để tỏ lòng yêu mến, nhưng vì tôi ở nơi xa mới đến, quốc-dân tất

chứa tin lòng tôi, bữa hôm qua hoàng thượng làm triều, nào ai biết ngài có bệnh, nay nếu tôi đến châu mà xe loan từ trần, không phải là để cái tiếng chê cho đời sau sao, công-chúa về châu, xin nói với anh em chị em biết như vậy, và xin lượng cho tôi. Công-chúa về châu cách một ngày thì vua thắng-hà.

Khi vua Lê ngài đau nặng có đòi hoàng-tự-tôn tức là vua Chiêu-thống) vào châu, ngài dụ rằng: « Ta nay ma sẽ cỡi cái gánh nặng, cái gánh nặng ấy sẽ ở về mình mày, mày phải chú ý mai lo liệu ». Khi vua thắng-hà hoàng-tự-tôn bèn lên ngôi.

Lúc ấy chúa Quang-trung đã có ý muốn đi về nam, nói truyện với các chiều thần rằng: « Ta vắng mình lệnh vua anh, đem quân ra đây, sự về hay ở chưa nhất định, ta lấy cái nghĩa tôn phủ mà đến đây, may việc đã xong, mà ta lại là con rể nhà vua nữa, cho nên ta muốn hết lòng hiếu với nhà vua, nhân khi ta chưa về, cử hành lễ táng cho xong, cho trung hiếu cùng được trọn vẹn ».

Các triều-thần đều vắng mình, ngày đêm lo trị việc tang, nghi-thức đều chỉnh-tề cả; chúa Quang-trung lại phát 300 lính để đi hộ tang, đưa đến bến sông, chờ khi linh-cữu đề yên trên thuyền xong, phát giã về Thanh-hóa rồi ngài mới về phủ.

Kịp lúc công-chúa về, chúa Quang-trung có ý khoe khoang bảo bà công-chúa rằng: « Tiên-hoàng có hoàng tử đến hơn ba mươi người, mà nay báo hiếu lại chỉ nhờ ở một người con gái, xem thử, nào có ai giúp được việc gì đâu, đời xưa có câu: « con gái làm rục rũ môn mi, » nay thực thế vậy »

Bà eông-chúa tạ rằng : Việc ấy thực nhờ công đức của lịnh-công nhiều lắm, thiệp được báo hiếu với cha, và mở mắt với anh em, toàn là nhờ đây. chúa quang-trung nghe nói lấy làm thích ý lắm.

Sau chúa Quang-trung về Phú-xuân, lại có một trận sai Vũ-văn-Nhiệm đem quân ra đánh Nguyễn-hữu-Chỉnh, đuổi vua Lê chạy, cứ thành Thăng-long, bà Hoàng-thái-hậu nhà Lê sang Tàu cầu viện, Tàu sai Tôn-sĩ-Nghị mang quân sang giúp vua Lê phục quốc, khi ấy chúa Quang-trung lên ngôi vua, liền suất quân ra đánh đuổi Tôn-sĩ-Nghị, vua Lê cũng cùng Tôn-sĩ-Nghị chạy sang Tàu, Chúa Quang-trung bèn thống nhất nam bắc, được vua Tàu sách phong, khi làm lễ tuyên phong rồi, bèn lập bà Ngọc Hân làm hữu-cung hoàng hậu, mới được năm năm, thì chúa Quang-trung thăng hà, chúa Cảnh-Thịnh nối ngôi, tôn bà làm Hoàng-thái-hậu, bà có làm bài Ai-tự-văn, tỏ lòng truy mộ đức Quang-trung từ điệu rất lâm-ly thê-thảm, ai xem cũng phải cảm động thật đáng là một bài kiệt-tác vậy.

AI TỰ VĂN

Gió liu hắt buồng tiêu lạnh lẽo,
Trước thềm lan hoa héo don-don.
Cầu tiên khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm-thăm, bóng loan dầu-dầu !
Nỗi lai-lich dễ hầu than thở,
Trách nhân-duyên mờ-lỡ cơ sao ?
Sầu-sầu thăm-thăm xiết bao,
Sầu đầy tràn bể, thăm cao ngất trời !
Tự cờ đỏ trở với cõi Bắc,
Nghĩa tôn-phù vắng vặc bóng dương.

Rút giây vàng mình phụ-hoàng,
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu qui.
Trăm ngàn dặm quân chi non nước,
Chữ nghi gia mừng được phải duyên.
Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rõ ràng vẽ thủy nổi chen tiếng cầm.
Lượng che chở vụng lằm nào kể,
Phân đình-ninh cận kẻ mọi lời.
Dù rằng non nước biến dời,
Nguồn tình ắt chẳng chút với dâu là.
Lòng đùm bọc thương hoa đoái cõi,
Khắp tôn thân cũng đội ơn sang.
Triều-đình còn dấu chung-thường,
Tùng-thu còn nắm mấy hàng xanh xanh.
Nhờ hồng-phúc nầy cảnh hờn quế,
Đượm hơi sương, giây rế cũng tươi.
Non Nam lần chúc tuổi trời,
Dâng câu Thiên-bảo, hay lời Hoa-phong.
Những ao ước trập-trùng tuổi hạc,
Nguyên trăm năm ngô được vậy vui
Nào hay sông cạn bể vùi.
Lòng trời dáo-dở, vận người biệt-ly !
Từ nắng hạ mưa thu trái tiết,
Xót mình rờng mỗi mệt chẳng yên !
Xiết bao kiuh sợ lo phiền,
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.
Khắp mọi chốn đầu đầu tìm rước,
Phương pháp nào đôi được cùng chăng ?
Ngân thay máy tạo bất bằng,
Bóng mây thoát đã ngắt chĩnh xe loan !

Cuộc tu-tán bi-hoan cấp mấy ?
Kê sum vậy đã mấy năm nay.
Lênh-đênh chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ?
Trần trọc luống đêm thâu ngày tối,
Biết cậy ai dập nổi bi-thương !
Trông mong luống những mơ màng,
Mơ-hồ nương mộng, bàng-hoàng như say !
Khi trận gió, hoa bay thấp-thoảng,
Ngõ hương trời băng lảng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên châu,
Thương ôi quanh quẽ trước lầu nhện giăng !
Khi bóng trăng lá in lấp-lánh,
Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.
Vội vàng dạo bước tới nơi,
Thương ôi vãng vẻ giữa trời tuyết sa !
Trông phong-thái xót-xa đời đoạn,
Mặt rồng sao cách diển lâu nay ?
Có ai chốn ấy về đây ?
Nguồn cơn xin ngõ cho hay được đành.
Nẻo u-minh khéo chia đôi ngã,
Nghĩ đời phen, nong nã đời phen !
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,
Đợi xin kiếp khác vẹn nguyên lửa hương.
Nghe trước có đấng vương Thang Võ,
Công-nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao.
Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước biết bao công-trình !
Nghe rành rành trước vua Nghiêu Thuấn,
Công-đức đầy, ngự vận càng lâu.
Mà nay hợm cả, ơn sâu,
Móc mưa đầy khắp chín châu đượm nhuần.

Công nhường ấy, mà nhân nhường ấy,
Cõi thọ sao hẹp mấy hóa-công ?

Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người.

Buồn thay nhẽ ! sương rơi, gió lọt,
Cảnh đìu-hiu, thánh thót châu sa !

Tưởng lời di-chức thiết tha,
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mè !

Buồn thay nhẽ ! xuân về, hoa ở,
Mối sầu riêng, ai gỡ cho xong !

Quyết liều mong vẹn chữ tông,
Trên giường nào ngại, giữa giòng nào e !

Còn trúng-nước thương vì đôi chút,
Chữ tình-thâm chưa thoát được đi.

Vậy nên nấn-ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo !

Theo buổi trước ngự đèo Bồng-Đảo,
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân,

Theo xa thời lại theo gần,
Theo phen điện Quế, theo lần ngàn hoa.

Đương theo bỗng tiếng gà sực tỉnh,
Đau đớn thay ! ấy cảnh chiêm-bao.

Mơ mộng thêm nổi khát khao,
Ngọc-kính chốn ấy, ngày nào tới nơi ?

Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
Nguyện đồng-sinh sao đã kịp phai !

Xưa sao sớm hỏi khuya mời ?
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ ;

Giờ sao bỗng thờ-ơ lặng lẽ ?
Tình cô-đơn, ai kể xét đâu !

Xưa sao gang tác gần châu ?
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh-ca ;
Giờ sao bỗng cách xa đôi côi ?
Tin hàn-huyền khôn hỏi thăm lênh !
Nửa cung gầy phiếm cầm lạnh,
Nỗi con côi-cút nỗi mình bơ-vơ !
Nghĩ nông-nỗi ngần ngơ đòi lúc,
Tiếng tử-qui thêm đục lòng thương !
Nào người thay ! cảnh thiên-hương,
Đạ thường quanh quất, mặt thường ngóng trông.
Trông mái đông, lá buồm xuôi ngược,
Thấy mệnh mộng những nước cùng mây !
Đông rồi thì lại trông tây,
Thấy mây man mát, thấy cây rườm rà ;
Trông nam thấy nhận sa lác đặc,
Trông bắc thì ngàn bạc mầu sương.
No trông trời đất bốn phương,
Côi tiên khơi diễn, biết đường nào đi !
Cây ai có phép gì tới đó,
Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung :
Này gương là cửa Hán-cung,
Ơn trên xưa đã soi chung đời ngày.
Duyên hảo-hợp xót giầy nên lễ,
Bụng ai-hoài vội ghê vì đầu ?
Xin đưa gương ấy về châu,
Ngõ soi cho tỏ gót đầu, trông ơn.
Trưởng linh sáng nhơn-nhơn còn dấu,
Nỗi sinh-sơ có thấu hay không ?
Cung xanh đương tuổi ấu-sung,
Di-mưu sao nữ quên lòng đoái thương !

Gột lán-chỉ mấy hàng lờm-chờm,
Đầu mũ mào mình tằm áo gai,
U-ơ ra trước hương đài,
Trông quang cảnh ấy, chua cay nường nào ?
Trong sáu viện, ổ đào ủ liêu.
Xác ve gầy lỏng lẻo xiêm nghề.
Long đong xa cách hương-quê.
Mong theo : lằm lổ, mong về : tủi duyên !
Dưới bệ ngọc, hàng uyên vô võ,
Cắt chân tay, thương khổ xiết chi !
Hang sâu vang tiếng thương bi,
Kẻ sơ còn thế, hưởng gì người thân ?
Cảnh tình bấy nhiều phần bát ngát,
Mach sâu tuôn, ai tát nên voi ?
Càng trông càng một xa vời,
Tắc lòng thăm thiết, chín trời biết chẳng !
Buồn trông trắng, trắng mờ thêm tủi,
Gương Hằng Nga đã bụi mầu trong,
Nhìn gương càng then tằm lòng,
Thiên-duyên lạnh lẽo đêm đông bên Hà !
Buồn xem hoa, hoa mờ thêm then,
Cánh hải-đường đã quyến giọt sương !
Trông chim càng giờ đoạn-trường,
Uyên-trong chiếc bóng, phượng-hoàng lẻ loi !
Cảnh nào cũng ngui ngui cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu !
Phút giây bãi bể nương dâu,
Cuộc đời là thế, biết hầu nài bao !
Chữ tình-nghiã trời cao đất rộng,
Nỗi đoạn-trường còn sống còn đau !
Mấy lời tâm-sự trước sau,
Đòi vừng nhật-nguyệt trên đầu chứng cho.

HỒ XUÂN HƯƠNG

(胡春香)

Nàng sinh vào lúc đầu triều Nguyễn, không chắc rõ là người quê quán ở đâu, có kể nói nàng gốc tích từ trong Nghệ an, sau ra ngụ ở phường Khán-xuân, huyện Vinh-thuận tỉnh Hà-nội. Nàng vốn là một người thông minh dĩnh ngộ, cha nàng mất sớm, được bà mẹ là người họ Hồ trông nom tìm thầy cho học, nhưng chưa bao lâu lại thôi. Nàng tự học lấy, mà học đến đâu thì nhớ đến đấy, tài tình khác thường, không mấy lúc mà nổi tiếng là người hay chữ.

Nàng định kén chồng, nhân gặp khoa thi, bèn mở một cửa hàng bán nước, để rước các nhà danh sĩ vào làm thơ, người nào trúng tuyển thì mới chịu cùng kết hôn, có nhiều người vào làm thơ, nhưng đều thất bại cả. Sau khi thi xong rồi, người đỗ thủ-khoa, đi với một người em vào xin vịnh thơ, nàng ra đề rằng : « Thạch liên thiên », 石連天, ông thủ-khoa ngâm bút hồi lâu, mới viết được bốn chữ : Thiên thạch nguyên lai 天石原来, rồi lại ngâm nghĩ không ra được chữ gì nữa, nàng sai thị-tỳ ra bảo rằng : « Không làm được thi về, sao cứ ngồi ngâm bút mãi ».

Ông thủ-khoa nghe nói thẹn quá, chết ngất ngã ra, người em phải chạy đến, vừa đỡ cứu, vừa đỡ cho hả cơn giận, bèn tục thành câu thơ rằng : Thiên thạch nguyên lai bản thâm huyền ; Nhất triều vân vụ thạch liên thiên. 天石原来本甚懸, 一朝雲霧石連天

Ông thủ-khoa lúc tỉnh dậy, cố làm xong bài thơ, nàng xem, phục là hay, vui lòng kết duyên với ông, nghe đâu ông sau làm quan đến Tri-phủ Vinh-tường. Nhưng chỉ được ít lâu thì ông tạ thế.

Sau nàng lại lấy lẽ một người làm chức Tham-biệt ở tỉnh An-quảng nữa, viên Tham-biệt ấy thấy nàng đã có văn tài, lại sở trường chính trị, ai cũng công nhận là một tay tài nữ lại rất quý-trọng, thường cho nàng được tham dự mọi việc.

Quan án-lại tỉnh ấy tên là Thủ-Dung sinh lòng ghen ghét, muốn thừa cơ hãm hại viên Tham-biệt để khỏi tư ý của mình.

Không bao lâu nhân viên Tham-biệt hiệp dân châu Vạn-ninh ép phải khai ruộng hoang làm ruộng thực, sách lấy của bồi lộ đến mấy nghìn bạc, bị dân châu ấy tố cáo, viên An-lại nhân la chức thành tội, khổ giam đến hơn một năm, ngày tháng ba năm Gia-long thứ 13 (1819) án nghị xử tử, nàng lại phải thủ quả đến mấy năm nữa mới tạ thế.

Nàng làm ra văn thơ rất nhiều, văn hán của nàng không biết có những bài gì, chớ văn nôm của nàng thật là có đặc tài đặc thú, đứng hẳn riêng là một thi gia, cứ kể cho là vô song được, thơ nàng xưa nay ai cũng kêu là có ý thô tục. nhưng xét kỹ tục mà thanh, dù nàng không có cái vẽ đứng đắn, cái giọng đa cảm đa sầu như bà huyện Thanh-quan, nhưng lắm bài rất có khí và có tình, phải công nhận là một người đàn bà có học vậy.

HỒ XUÂN HƯƠNG THI TẬP

Đèo Ba Dội

Một đèo, một đèo, lại một đèo,
Khen ai khéo tạc cảnh cheo-leo.
Đất rò mai giải xanh um cỏ,
Đá chồm gan gà mồi thếch rêu.
Lắt léo cảnh thông cơn gió giạt,
Đầm đìa lá liễu hạt sương reo.
Hiền nhân, quân tử ai là chẳng,
Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo.

Vịnh thơ quạt

Mười bảy hay là mười tám dầy ?
Cho anh yêu dấu chẳng rời tay,
Mỏng, giấy chĩnh-chện chành ba góc,
Rộng hẹp nhường nào cảm một cay.
Càng nóng bao nhiêu, càng muốn mát !
Yêu đim chẳng phỉ lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vi cạy,
Chúa dẫu, vua yêu một cái này.

Thơ đánh đu

Tám cột khen ai khéo khéo giồng,
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông.
Giai đu gối hạc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp-phới,
Hai hàng chân ngọc ruỗi song-song.
Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá ?
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.

khóc chồng là ông tri-phủ Vĩnh-tường

Trăm năm ông phủ Vĩnh tường ời !
Cái thế-thân ra khác mất rồi.
Chôn chặt vãn chương ba thước đất.
Ném tung hồ thi bốn phương giới.
Cán cân tạo-hóa giới đầu mất,
Miệng túi cân-khôn thắt lại rồi.
Năm bảy tháng giới là mấy chốc,
Trăm năm ông 'phủ Vĩnh-tường ời !

Vĩnh cái lang

Tạo-hóa sinh lai có một chòm,
Xoi ra một lô hỏm hòm hom.
Giọt nước hữu tình rơi lác đác.
Đường đi vô tích nhỏm nhòm nhom.

BÀ HUYỆN THANH QUAN

(青 關 夫 人)

Tính danh bà Huyện Thanh-quan là gì chưa tra ra được, chỉ biết bà hiệu là Nhân-khanh, nguyên người làng Nghi-lâm, lấy chồng là ông Lưu-nguyên-Uân, người làng Nguyệt-áng, làm tri-huyện huyện Thanh quan, cho nên thời-nhàn quen gọi là bà huyện Thanh-quan.

Cứ theo lời của một bà cụ già nguyên có thân thích với bà ; thuật lại rằng : « Tiền-sinh bà nguyên là một người thân-cận của bà công-chúa nhà Lê, nhân lúc cuối nhà Lê phải chúa Tây-sơn lấy nước, các bà công-chúa nhân nước mất nhà tan, phải lưu lạc dân gian. Có một bà công-chúa kia, vốn cùng một người đàn bà ở làng Nghi-tâm có quen biết nhau đã lâu, nhân đem cả các đồ nữ-trang gửi nhờ người đàn bà ấy thu dấu cho, sau người đàn bà ấy thấy bà chúa kia thất thế, bèn cướp lấy đồ nữ-trang ấy mà không chịu trả lại.

Bà chúa tức mình tự sát, người thị-nữ của bà chúa cũng chết theo. Sau bà chúa cùng người thị-nữ đều thác sinh vào nhà người đàn bà để báo thù, người đàn bà ấy sinh ra được hai người con gái là bà huyện Thanh quan với một bà chị nữa. Bà chị bà sinh ra thông tuệ hơn người, dung mạo rất đẹp như thần tiên, và học cũng giỏi lắm, nhưng có bệnh chỉ ngồi ở trong nhà luôn. Có một bữa bà lấy bút tính hết những đồ nữ-trang của bà mất, cộng là bao nhiêu tiền, và tính tiền của bà mẹ nuôi bà, cộng là bao nhiêu, ước chừng cũng còn dư một ít, bà nói với bà mẹ rằng : « Nay trừ đã gần hết tiền, con xin không ở lại trần thế nữa, còn nhiều ít tiền gì đó, thì để làm cái phí về sự chôn con à nuôi em vân vân.

Em bà tức là bà huyện Thanh-quan, bà huyện lúc trẻ cũng thông minh hơn người, tài học rất giỏi, có làm được nhiều thơ chữ Hán và thơ nôm rất hay, vua Tự-đức nghe tiếng, đòi vào cho làm chức nữ-sử, để dạy các cung nga, bà có tập Nhân-khanh-thi-tập đến nay hãy còn truyền tụng.

NHÂN-KHANH THI TẬP

Qua Đèo ngang

Qua đỉnh Đèo ngang bóng xế tà.
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con cuộc-cuốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Chiều hôm nhớ nhà

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn.
Gác mái ngư-ông về viễn-phố,
Gõ sừng mục-tử lại cò-thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi.
Dậm liễu mây thưa khách bước ròn.
Kẻ chốn chương-đài, người lữ thứ.
Mấy ai mà kể nỗi hàn ôn,

Trăng-long toái cổ

Tạo hóa gây chi cuộc hi trường.
Đến nay thắm thoát mấy tình sương.

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Chôn cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn bên gan cùng tuế nguyệt.
Nước còn cau mặt với tang thương.
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ.
Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

Đi dò buổi chiều

Thấp thoáng non tiên lác đặc mưa,
Bút thần khôn vẽ cảnh tiêu sơ.
Xanh ở cỏ thụ cây tròn tán.
Trắng xóa trường giang nước lặng ờ.
Bầu dốc giang sơn say bởi rượu,
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ.
Biết bao tao-khách tình đi lại,
Thấy cảnh ai mà chẳng thần thơ.

Qua chùa Trấn-bắc

Trấn bắc hành-cung cỏ dãi dầu,
Khiến người qua đó tránh lòng đau.
Mấy dò sen héo, hơi hương ngự,
Năm thừ mây phong nếp áo trầu.
Sóng lớp phế hưng coi vẫn rợn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau,
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá.
Khéo ngần-ngợ thay lũ trọc đầu,

Chơi đình Khán-đài

Èm ái chiều xuân tới Khán-đài,
Lung lung chẳng bợn chút trần-ai.

Bốn mùa chiều mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương nước lộn trời.
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi.
Nào là cực-lạc là đâu tá,
Cực lạc là đây chổ rõ mười.

Vua sắc bà Nhân khan, đề cái chén vè sơn thủy

Như in thảo mộc trời nam lại,
Dem cả sơn hà đất bắc sang,

Câu đối bà dân tét

Duyên với giang sơn nên dân chử,
Nợ gì trời đất phải trồng nêu.

Lúc ông Huyện đương làm quan ở Huyện Thanh-quan, nhân có một người con gái tên là Nguyễn thị-Đào kiện chồng tinh phụ nhân lúc quan Huyện đi vắng, bà xem đơn nghĩ tình người đàn bà cũng thương, mới lạt phê rằng :

Phó cho con Nguyễn-thị-Đào
Sòng sâu hồ dễ cấm sào đọi ai.
Chữ rằng xuân bất tái lai,
Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già (1).

1) Sau ông huyện vì việc ấy mà phải cách chức.

LỄ PHU

禮 苑

Bà tên là Nguyễn thị Du lại tên là Huệ, người làng Kiệt-đặc huyện Chi linh, xứ Hải dương.

Họ Nguyễn có một ngôi mộ ở núi Tri-ngư-sơn cũng thuộc về địa phận làng ấy, ông Hoàng-Phúc là tướng nhà Minh có xem cục đất ấy nói rằng : « Ngôi mộ này vào cách Nhất kinh chiếu tam vương (một cái gương soi đến ba vua) thế nào cũng phát. Kịp đến đời bà thân sinh bà nằm chiêm bao thấy có sao sa vào miệng, rồi có thai mà sinh ra bà.

Bà sinh ra dung nhan đẹp đẽ và lại thông minh lạ thường, hề xem qua kinh sử, đều nhớ ngay được cả, bấy giờ đương lúc cuối đời nhà Mạc, thiên hạ loạn ly, phụ nữ đều phải tị nạn đi nơi khác, ông thân sinh bà, mang bà đi tị nạn tại xứ Cao-bằng, khi ấy bà mới hơn mười tuổi, bà đòi bạn nam-trang, theo thầy đi học, bà học rất rộng, văn chương rất hay và lại sở trường về quốc-âm, không ai biết bà là một một ả nữ-nhi cả.

Lúc bà 17 tuổi, chính vào đời niên hiệu Hội-thống, nhà Mạc, bà đi thi hội, thi đình, đều đỗ nhất, mà ông thầy dạy bà thi đỗ thứ hai, đến khi vào bài minh, chúa Mạc thấy bà dung mạo đẹp đẽ, giống nữ-nhi, gạn hỏi biết rõ đầu đuôi, bèn sinh bà vào cung, phong cho làm hoàng-phi.

Kịp lúc triều Mạc mất, bà trốn ở trong núi, phải quân chúa Trịnh bắt được, bà lấy lời khảng khái bảo các quân rằng « Ta đây là người quen biết với chúa mày, chúng mày đừng ta gặp được mặt chúa mày, thì mày tất được thưởng

to, chúng mày không được có điều gì vô lễ, nếu không thì ta chết bây giờ, chúa mày nghe biết, thì chúng mày phải hình phạt ngay ». Quan sĩ nghe bà nói như vậy, đều sợ hãi, liền mang bà dâng cho chúa, chúa Trịnh Dương-vương rất yêu dấu, bà xin với chúa Trịnh để đi tu.

Sau đến khi chúa Khang vương nối ngôi, cầu khắp bậc nữ học-sĩ, để dạy cung-nhân, các quan tả hữu đồng thanh cử bà, tự-quân bèn đòi bà về làm chức giáo-thụ ở trong cung, để dạy cung-nữ, cung-nữ đều tôn trọng, gọi bà là Lê-phi.

Bà thờ ba chúa đều do lấy văn-chương cung phụng, không bao giờ được rời bên vua, vua thường có hỏi việc gì, bà liền lấy văn nghĩa trong kinh sử và sự tích xưa nay để thưa lại. Vua rất khen ngợi, phạm những quyền thì vào đình và văn chương các quan, tất do bà xét định.

Khoa hội năm Đức-long thứ ba (1631) ông Nguyễn-thọ-Xuân là người bác học hùng tài, thi đỗ Thám-hoa, văn chương rất thâm thúy ít người hiểu được, chúa hỏi đến bà, bà giảng thích rõ ràng, kịp sai tam quán khảo lại, đều đúng cả, cả triều đều kính phục.

Trước ông Nguyễn-thọ-Xuân làm bài rồi, có nói với người ta rằng : Văn chương của tôi, cả triều tất ít người hiểu, có biết được chăng, chỉ có bà Lê-phi, sau quả như vậy.

Anh bà khi xưa phải một người cùng làng làm hại, đến khi bà đã hiển quý, người ấy đối với bà rất là kính sợ, nhưng bà chưa có điều gì báo thù bao giờ, nên ai ai cũng đều phục bà là người có độ lượng.

Sau bà hưởng thọ được hơn tám mươi tuổi mới mất, trước sau trải thờ ba vua, quả ứng với lời Hoàng-phúc nói khi trước.

Bà làm ra văn chương rất nhiều, và rất sỗ trượng về lối quốc-văn, thường làm một quyển gia ký bằng quốc văn thuật hết cả mọi việc, tự tỷ với bà Lạc-thái hậu nhà Hán xưa, trong bài có câu rằng :

Hiềm vì một chút đảo điên,
Song le Bạc-thị vốn duyên Hán thần.
Lại có câu rằng :

Nữ-nhi dù dặng có lẽ,
Ắt là tay thiệp kém gì trang-nguyên.

Những văn chương ấy gần đây hãy còn truyền tụng, sau này dần dần mất đi; thật đáng tiếc vậy.

QUẬN HOÀN

完 郡 夫 人

Bà tên là Hoàng-vinh-Vĩnh lại tên là An, tên chữ là Bá-Vân, Hiệu là Thiện-ninh, lại hiệu là Bá-thi, người thôn Hoàng-vân-Nội, huyện Kim-động, xứ Sơn-nam, nay thuộc về tỉnh Hưng-yên, vợ thứ hai Viên quận công nguyên Hoàn. Bà nguyên con gái Khiếm-trung bá tước.

Bá tước tên là Hoàng-Nghĩa, nguyên họ Trịnh, giòng dõi-Hồng-quốc-công, là công thần nhà Lê; thừa kế nghèo khổ, lưu ly khắp cả mọi nơi, đến nương nhờ Thọ-trung hầu là quan án-trấn trấn Tuyên-quang, Thọ-trung-hầu thấy ông là người có tài trí, cử cho làm chức hàn-lâm phủ-doãn, đến năm Cảnh-hưng thứ 19 (1758) sinh bà tại phố Tam-kỳ thuộc về trấn ấy.

Bà sinh ra dung mạo đẹp đẽ, và thiên tư thông minh, rông cốt-cách biết là một người phi thường, ai cũng đều nói sau này làm rực rỡ môn mi cho nhà Bá-tước, tất là người con gái này.

Sau Bá-tước dời nhà về ở tại bên đền Nam-giao (cửa ô Cầu-đền thành Thăng-long) cho bà theo học chữ Hán, và tập nghề nữ-công bà học vài năm nổi tiếng khắp kinh-đô. Năm Cảnh-hưng thứ 30 (1769) chúa Trịnh-Sum đi ngự chơi dinh Viên quận công, hạ lệnh-chỉ bảo quận-công, tìm nhiều ca-nhi mỹ-nữ, để dự bị ứng tiếp khi ngài ngự chơi, nhân thế Quận công sai đem hậu lễ rước bà về, khi ấy bà mới mười ba tuổi, mà quận công đã năm mươi tám tuổi.

Quận-công vì bà mà dựng nhà trang-đài ở tại trong dinh, phía tây ngự-cung. bày đặt đủ cả nghi vệ hành-cung, để chờ khi chúa-thượng lâm hạnh, và làm nhà cho

vợ chồng Bá tước ở tại phố Hàng-rây ở phía ngoài dinh. Mỗi khi bà ra chơi, có vài mươi thị-tỳ hầu hạ, có người cầm hai cái quạt lông nhón bằng ngà-voi che trước mặt, thường thường đầu năm bà đi lễ các chùa, nghị vệ trang hoàng, rung động cả kinh đô, những kẻ hào-qui, ai cũng phải kính hãi thanh thế, có người thấy như vậy, cho là tiếm lộng, tố giác đến vương-phủ, bà Tuyên-phi (là chinh-phi chúa Trịnh) có sai đòi vào hậu-cung, chúa Trịnh chỉ bà mà nói cùng Tuyên-phi rằng :

Tư mạo ả này như vậy, quận-công chung ai là phải lắm, nhân ban cho một cái dây bằng đoạn, và truyền từ nay về sau, hễ vương-phủ có đại lễ gì, cho được vào chầu, từ đây không có ai lại dám nói đến nữa.

Có khi vua Hiền-tôn hoàng-đế sai đón bà vào trong ngọc điện, ngài hỏi cả họ tên, tuổi tác, chỗ ở và lý lịch rất rõ ràng, rồi cho được dự yến tại hậu cung, sủng hạnh đến như vậy.

Bà học rất rộng, như sách Tam-quốc, Hàn chí, Tấn chí, Tùy đường diên nghĩa, Tống thư, Liệt nữ chuyện, Kim cổ ký quan, Thái thượng cảm ứng, Bao-công án, Tày du ký Chinh đông, Chinh tây, Đông châu liệt quốc, Độc thư lạc hủ, Dư mặc ngẫu đàm, Truyền kỳ mạn lục, Công dư tập ký, các sách đều đọc qua một lần thì nhớ cả.

Tinh bà rất thích ngâm thơ, mà sở trường thơ nôm, quận-công thường có khi viết quên mất chữ « voi voi », 涓涓 không biết viết thế nào, bà liền viết cho quận-công xem, quận-công rất khen ngợi.

Có một hôm về chơi ngoại-gia là nhà bá-tước, quận-công đi triều về, sai lấy ngọc kiệu của ngài đi rước bà về,

phải bà chính-phu-nhân quở trách, bà không bằng lòng, từ đó quận công thường gọi bà vào, mà bà không đến. Bà có gửi cho quận-công một câu thơ nôm rằng :

Thảo mao dám độ nơi hoàng-các,
Củ mộc song hơn phận tiểu-tinh.

Quận-công phải đến tận nơi yền ỷ và bảo bà rằng :
ấy là cái lỗi tại tôi, nhà ngươi có tội gì ; sau bà mới vào.

Bà rất tinh âm luật, thường ngồi gầy đàn cầm ngâm thơ, khi quận-công đã tri sĩ, thường cùng bà thả thuyền đi chơi, mỗi khi đến chỗ non xanh nước biếc, thì bảo bà ngâm thơ, để mô tả cái cảnh thiên nhiên.

Bà lại thường đặt ra luật thơ, để cho hiệp với âm nhạc, rất là tinh xảo, lại có soạn một câu đối nôm rằng :

Ngào ngạt tin xuân hoa đón cửa,
Rõ ràng vẽ thụy nguyệt in rèm.

Lúc chúa Tây-sơn kéo quân ra, đô thành biến loạn, khi ấy bà mới hai mươi chín tuổi, nhân dịp quốc-biến, ai sản điều bị tịch kỹ, nên phải ly tán đi mọi nơi ; bà theo quận-công lưu-lạc ở ngoài muôn dặm, điên bãi nơi xa, phong trần cuộc thế, trải không biết bao nhiêu sự gian nan, bà thường ngâm bài thơ vịnh cái tượng Tôn-phu-nhân ở trong quyền Tam-quốc rằng :

Bà khí giang đông cử tịch liêu,

伯氣江東久寂寥

Vĩnh an cung điện mãng tiêu tiêu.

永安宮殿莽蕭蕭

Đô tương gia quốc vô cùng hận,

都相家國無窮恨

Phân phó Tầm dương thượng hạ triều.

分付潭陽上下潮

Bà thường ngày đọc bài ấy bởi vì hoài cổ thương kim, nhân cái cảnh ngộ đồng nhau, mà động lòng cảm khái như vậy.

Cung-nhân chúa Trịnh Đoan-nam-vương, nguyên là con gái Xuân-quận-công Nguyễn-Nghiêm. được thấy bà một lần, mến cái đức-hạnh tốt, có tặng cho một bài thơ rằng

Tài đức câu ưu vẹn cả hai,
Dưới đời nào biết độ cùng ai.
Cầm-tâm tú-khâu đã hơn chúng,
Ngọc-đảm kim-can lại trót vơi.
Ấy hẳn Minh-phi đâu lại thấy,
Hay là Thái-nữ ắt sinh lai.
Công dung ngôn hạnh là dường ấy.
Khiến kẻ thi nhân nhọc bút bày,

Bà có họa lại rằng :

Dám đâu độ với người tiên triết,
Lạm cũng theo đòi kẻ hậu-lai.
Vàng ngọc mấy lời, chi xứng nhẽ,
Luống nhàm thi-tử một thiên bày.

Tự đó cung-nhân trọng tôn bà như bạc sư hữu vậy.

Lúc bà ba mươi lăm tuổi, thì quận-công mất, đến năm Gia-long thứ sáu (1807) ngày mười bốn tháng chạp, thì bà mất, hưởng thọ được năm mươi tuổi, bà có nhiều văn thơ hay, đến nay cũng vẫn còn truyền tụng.

TRƯƠNG-NHỌC-TRONG

張玉羣

Bà hiệu là Thượng-hòa, người làng Như-quỳnh, cháu gọi Tấn-quang vương-phi bằng cô, sung làm cung-tần chúa Trịnh, rất sở trường về văn quốc-âm, có làm bài quốc-âm diễn ca, diễn sự tích bà Ý-lan hoàng-thái-hậu nhà Lý, lời lẽ rất hay, văn xưa mà được như vậy cũng là hiếm có nay lược trích mấy câu như sau này.

TẢ NHAN SẮC BÀ Ý-LAN

Phượng-phi mày liễu, mặt hoa,
Má đào, môi hạnh, da ngà, lưng ong.
Quỳnh-tư diệu-chất lạ lùng,
Miệng cười muôn tia, nghìn hồng nở ra,
Càng nhìn, càng một nầu nà.
Thu-ba thua sắc, Xuân hoa thẹn màu.
Mẹ cha mừng rỡ xiết đầu,
Nàng niu vàng ngọc thể âu khác thường.

HỘI THƯỢNG DUYÊN KÉN CUNG-NỮ

Huyền hòa vừa tiết Thanh-minh,
Đoàn loan, lũ phượng khoe sinh đôi người.
Đập diu thôi hán lại hài,
Kẻ khoe cốt-cách, người phơi tinh-thần,
Liễu xanh khoe đã thanh-tân.
Đào hồng nọ cũng cây thân tươi màu,
Chan hòa sánh ngọc đua châu,
Tầm-thường hội trước thấy âu xa vời.

TẢN-QUANG VƯƠNG-PHI

香光王苑

Bà tên là Trương-thị-ngọc-Chử con gái Diên-quận-công là Trương-Dự người làng Như-quỳnh, xứ Kinh-bắc (tức tỉnh Bắc-ninh bây giờ).

Bà sinh vào nơi trắc lậu, dung mạo cũng tầm thường, nhưng tiếng nói rất thanh cao.

Lúc trẻ ở nhà quê, có một bữa đi cắt cỏ ở bên đường cái quan để về nuôi các loài gia-súc, vừa lúc chúa Trịnh-Bính tức là Tản-quang vương đi ngự chơi, đi ngang qua làng Như-quỳnh, dân gian nghe xe ngự giá tuần chiêm đều sợ hãi trốn lánh, mà bà cứ cắt cỏ bên đường, bình như không biết; đến khi xe ngự tới nơi, tiền hô hậu ửng, mà bà cũng không lấy làm lạ, cứ cắt cỏ tự nhiên như thường, mà hát một câu rằng :

Tay cầm bán nguyệt xênh xang,
Một trăm thức cỏ lai hàng tận tay.

rồi lại hát một câu nữa rằng :

Mặc ai che tán che làn,
Tay đây mặc sức nghênh ngang cõi bờ,

Dọng hát thanh tao, đưa lọt đến tại chúa Trịnh, chúa nghe lấy làm lạ, sai các quan hộ giá đòi bà đến mà hỏi rằng : Xa-giá ta đi tuần-chiếm, dân các nơi nghe tiếng đều kinh sợ trốn tránh, mà là con gái nhà ai, dám cả gan lên dọng hát, ồn đến tai ta như vậy.

Bà thưa rằng : tôi vốn là con gái nhà dân, tổ quán ở làng Như quỳnh, vâng mệnh mẹ tôi sai ra cắt cỏ ở đồng, xa-giá của chúa đi ngự thì cứ đi ngự. phận tôi cắt cỏ thì tôi cắt cỏ, chúa hỏi tôi làm gì?

Chúa nghe nói rất lấy làm cảm động, sai dừng xe lại để đòi cha mẹ bà ra hỏi, rồi sinh về cho sung vào chức cung-tần, được ân sủng hơn cả mọi người.

Bà sinh ra chúa Trịnh-cương, cả nhà anh em bà **con** đều được vinh hiển, được chúa ban sắc sai lập gia miếu tại làng Như-quỳnh, gọi là Chi-nguyên-cung, di-chỉ đến nay hãy còn.

Bà sở trường về quốc-âm, có nhiều bài hay, trải nhiều phen binh hỏa, nên đều tán lạc hết cả, thực đáng tiếc thay!

NGUYỄN-HOÀNG-PHI

阮皇妃

Bà Nguyễn hoàng-phi đời đức Thành-thái, lúc ngài đã tây hành, bà có nhiều bài ngâm vịnh, mà nhất là mười bài Khuê-phụ-thần, rất là lâm ly uyển chuyển, đáng cho là tuyệt-điện.

Khue-phụ-thần

I

Chồng hỡi chồng! con hỡi con!
Cùng nhau chia cách mấy năm tròn.
Bên trời góc bể nơi chim cá,
Dạn gió dầy sương tủi nước non.
Mộng điệp khéo vì ai lẽ đẽo,
Hồn quyên lương để thiệp thon von.
Ngày qua tháng lại trông đăm đăm,
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.

II

Đã mòn con mắt một phương Âu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu?
Dâu được non xanh cùng biển tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.
Trách ai giắt nẻo không lừa lọc,
Khiến thiệp ra thân chịu dãi dầu.
Bờ bờ xanh kia sao chẳng đoái,
Tấm lòng bứt rứt trót canh thâu.

III

Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi.
Gan ruột như dầu sục sục sôi,
Nghĩa gá ấp iu đành lỡ dỡ.
Công cho bú mớm chắc thôi rồi.

Quyết gìn giữ giã tròn sau trước,
Biết cây nhờ ai tỏ khúc nhôi.
Non biển xiên xiên trời một góc,
Hỡi chồng ơi ! với hỡi con ơi.

IV

Con ơi ruột mẹ ngấu như tương,
Bầy nòi ba chim rất thảm thương.
Khò héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.
Quê người đành gởi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương.
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Đề cho vẹn vẽ mối cang thường.

V

Cang thường gánh nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai ? ai hỡi ai !
Đề bụng chửi e tâm đứt ruột,
Hở môi còn sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chành chành một,
Kính bể soi hình tẽ tẽ hai.
Nhắm thử từ đây qua tới đó,
Đường đi non nước đo bao dài.

VI

Bao dài non nước chàng hay cũng,
Xin gởi hồn ta đến ở chung.
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau không thẹn với ba tông.
Quê nhà có kẻ lo săn sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạ lòng.

Mảng tình chưa xong vira chớp mắt,
Trống lầu đầu đã đổ tung tung.

VII

Đã đổ tung tung tiếng trống thành,
Dật mình thừ giấy mới tan canh.
Sương sa lác đác trên tàu lá,
Gió thổi liu riu dĩa bực mình.
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nữ cho đành.
Thương nhau chẳng dặng cùng nhau chọn,
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái-sanh.

VIII

Kiếp tái sanh may có gặp không?
Kiếp này đành phụ với non sông.
Chiêm bao lặn đạn theo chân bướm,
Tin tức bơ vơ lạc cánh hồng.
Tình tới tình lui thân cá chậu,
Lo quanh lo quần phận chim lồng.
Đã không chung hưởng thì thôi chớ,
Sao nữ xa nhau, chồng hời chồng!

IX

Hỡi chồng có thấu nỗi này không?
Sóng gió khi không dậy đất bằng,

Non nước chia hai giới lộng lộng,
Cha con riêng một biển giăng giăng.
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết,
Giọt thắm này tuôn bưng khó ngăn.
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng gạo,
Canh chày còn ở dưới cung trăng.

X

Ở dưới cung trăng luống nỡ non,
Đắng cay như ngậm trái bồ hòn.
Khói mây giọng cuộc nghe hơi mõi,
Sương tuyết mình ve ngấm đã mòn.
Láng mõ làng xa canh cốc cốc,
Tiếng chuông chùa cũ động bon bon.
Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ,
Chồng hỡi chồng ! con hỡi con !

Bà BANG-NHÂN

邦 駭 夫 人

Bà Bang-Nhân người đời đức Thành-thái, vợ ông Phan-
Qui, tục gọi là ông Bang-nhân, người tỉnh Quảng-nam.
Ông Phan là một tay thi-nhân về chữ nho, lúc ông mất
rồi, bà thốt nhiên trở ra nghề thơ nôm, hay dong chơi
ngâm vịnh, người ta bảo cái thi-hồn của ông ấy nhập
vào bà, ấy cũng là một câu giai thoại trong từ-lâm vậy.

Có người đến thử bà, ra một đầu đề rằng : « Phụng-
hoàng đua chiệp-biếp cũng đua, mâm thau nhiếp mâm
nan cũng nhiếp ». Bà làm đủ toàn thiên, có một câu
hay còn truyền tụng rằng :

Vuốt ve lông cánh theo ngàn nhân,
Chung chạ thanh âm đủ tám nghề.

Ca vịnh của bà có nhiều bài xuất sắc. nhưng tán
lạc cả, nay chỉ chép được một bài như sau này :

Đi chơi Cửa Hàn

Rầm rầm ngựa lại với xe qua,
Nhượng-địa là đây có phải là?
Liếc mắt nhìn xem phong cảnh lạ,

.
Nào tay hồ thử đi đâu mất ?

.
.
.

Chơi Ngũ-hành-sơn

Cảnh trí đâu hơn cảnh trí này,
Bồng lai thôi cũng thế này đây.
Núi chen sắc đá màu phơi gấm,
Chùa nức hơi hương khói lộn mây.
Ngư-phủ gác cần ngơ mặt nước,
Tiều-phu chống búa dựa lưng cây.
Nhìn xem phong cảnh vừa lòng khách,
Khen bầy thợ trời khéo đúc xây

KIM-HOÀ HỌC-SĨ

金華學士

Học-sĩ người đời Lê, tên là Nguyễn-hạ-Huệ, tự là Quỳnh-hương, người làng Lưu-kê huyện Yên-Lạc xứ Sơn-tây, vợ ông Phù-thúc-Hoành người làng Phù-xá (nay là Phù lổ) huyện Kim-hoa (nay là Kim anh) xứ Kinh-bắc

Bà sinh ra nhan sắc tuyệt vời, văn hay chữ tốt, âm luật thi ca rất hay, thường có làm một bài thơ vịnh núi Vệ-linh, truyền tụng đến trong cung điện, vua Thánh-tôn đi ngự chơi, thấy bài thơ rất tao nhã, lấy làm kinh mến, nhân sai sứ đón bà đến, cho làm chức giáo-thụ, để dạy cung-nhân.

Bà phàm có ứng chế soạn ra bài gì, hạ bút liền xong : có một hôm vua ra ngự chơi cửa Thanh-dương, sai quan thị-thần chế khúc Hoan-trương, khi làm xong đem dâng, vua cũng chưa lấy làm như ý, ngài mới gọi bà mà dụ rằng : người làm văn khúc cũng hay, sao mà không làm ? bà liền hạ bút làm ngay, trong khúc ấy có mấy câu rằng :

Ngưng bích phi thành kim-diện ngoã

凝碧飛成金殿瓦

Trừu hồng chức tự Cầm-giang la

翠紅織就錦江羅

Vua xem rất lấy làm khen thưởng, ban cho bà năm nén vàng và một bộ áo, cho tên hiệu là Phù-gia nữ-học-sĩ, hoặc gọi là Kim-hoa nữ-học-sĩ.

Bà được nhà vua kính-trọng, có nhiều người ghen ghét, làm thơ văn để chế nhạo bà, như những câu thơ rằng :

Quân-vương yêu dục tiêu nhân hận

君 王 要 欲 消 閑 恨

Ưng hoán Kim-hoa học-sĩ lai

應 喚 金 華 學 士 來

Nhưng bà không lấy làm điều, cứ giữ một cách chính-đáng, để làm mô phạm cho đời.

Khi bà mất, mới bốn mươi tuổi, người làng lập miếu ở tại nơi cò-trạch .để thờ, gọi là Phủ-học-sĩ-từ, nay ở làng Phú-lô huyện Kim-anh vẫn còn.

Bà có một tập thi văn, gọi là Mai-trang-tập truyền đời, có những bài như sau này :

THÁI LIÊN KHÚC

I

Tương khán lục mấn niên

相 看 鬢 髮 年

Vô sự thái kê liên

無 事 采 溪 蓮

Tiểu-cò kiều bất ngữ

小 姑 嬌 不 語

Đái tiếu học-xanh thuyền

帶 笑 學 撐 船

II

Liên hoa viên cận hương

蓮 花 苑 近 香

Thái thái tông sơn nương

采 采 總 山 娘

Mạc khiến phong xuy mãn

莫 遣 風 吹 鬢

Băng cơ nguyên tự lương

冰 賤 原 自 涼

PHẠM-LAM-ANH

范 藍 璞

Bà Phạm-lam-Anh lúc bé tên là Khuê, người huyện Diên-phúc tỉnh Quảng-Nam, con gái quan cai-bộ (chức Cai-bộ cũng như tổng-đốc bây giờ) là ông Phạm-hữu-Kinh.

Bà sinh ra có tư chất thông minh, tự thừa trẻ đã biết làm thơ, tự hiệu là Ngâm-si.

Ông Kinh rất yêu-qui, rước một người học-trò tên là Nguyễn-dưỡng-Hiệu để dạy tử-đệ, và cũng có ý muốn gả bà Lam-anh cho. Ông Hiệu nguyên là người huyện Duy-Xuyên cùng tỉnh ấy, vẫn có tiếng là thơ hay, hiệu là Phục-am.

Ông Kinh nhân có việc quan phải đi nơi khác, bảo ông Hiệu ở nhà trông nhà và dạy con, ông Hiệu đưa thơ từ cùng bà Lam-anh xướng họa, ông Kinh biết được nỗi giận, nhờ có ông bạn khuyen can mới thôi, sau cũng gả cho ông Hiệu.

Bà Lam anh đã về nhà ông Hiệu, cùng nhau xướng họa, làm nhiều thơ lắm, có bộ « Chiến-cổ-đường thi tập » còn truyền đời. Thơ bà có nhiều bài hay, như bài vinh Khuất-nguyên có câu rằng :

Cô phần khi thành thiên khả vấn

孤憤氣成夫可問

Độc tình nhân khứ quốc cơ không

獨醒人去國纔空

Bà cũng có làm nhiều thơ nôm, tiếc không thấy truyền

THƯỜNG SON CÔNG CHÚA

常山公主

Công chúa tên là Tĩnh-hoà tên chữ là Qui-khanh lại tên chữ là Dương-chi, biệt hiệu là Thường-son.

Bà là con gái vua Minh Mệnh, em ông Tùng thiện-công, chị ruột bà Diệu-liên.

Bà lúc trẻ đã thông minh, có đức tốt, rất ưa đồ thư kinh sử. Lúc đầu bà học ở trong cung-cấm, rất thạo nữ-tắc, tinh thông kinh sử, và cung-từ nhạc-phủ, hề biết được chút nào, thì lại dạy cho người biết, cho nên trong điện đình đều xưng bà là nữ-sư.

Đến khi lớn học thơ luật, giỏi xướng ca, có đặt một bộ nữ-nhạc, các anh em chị em có khi nào đến yến hội, Bà bảo đánh nhạc cho vui. Năm Tự-Đức thứ tư, hạ giá về ông Đặng-văn-kết, là con ông Đặng-văn-Thiêm, hai vợ chồng rất là cảm sắt thuận hòa, cùng nhau ngâm vịnh kết làm thi-xã, bà có bài thuật hoài rằng :

Thực trúc di hoa cường tự khoan,

植竹移花強自寬

Giác vô ngôn xứ lệ nan can

覺無言處淚難乾

Thương tâm tối thị đình tiền nguyệt

傷心最是庭前月

Bất dĩ đoàn loan cựu nhật khán

不比團圓舊日看

Bài thơ ấy lời thì gọn, mà ý thì nhiều, vần thì lưu lợi mà sắc thái thì hùng mãnh, đáng cho là bài thơ hay đến năm Tự-Đức ba mươi sáu bà mất, bà sở trứ có tập Huệ-phổ thi-tập.

NGUYỆT ĐÌNH CÔNG-CHÚA

月 亭 公 主

Công-chúa tên là Vĩnh-Trình, biệt hiệu là Nguyệt-đình con gái vua Vĩnh-minh, em đồng bào ông Thường sơn Tùng-thiện-công.

Bà sinh từ năm Minh-minh thứ năm, lúc trẻ đã thông minh, chí tính lại thuần cần, ban đầu theo các bà nữ sử học ở trong cung-điện, đến lớn ưa ngâm vịnh, ông Thường-sơn cho học âm luật, đã thiệp liệp, sau gả cho ông Phạm Thuật, là con cả Hưng-quốc-công, người tỉnh Gia-định.

Bà được thạc sinh tại nhà vua, lấy chồng lại gả về một nhà quý-thích, thế mà bà rất cần kiệm, chỉ ưa xem đồ sử, khi xuất giá rồi, cùng ông Thuật xướng họa, thường thường có nhiều văn thơ hay.

Đến năm Minh-minh thứ mười bốn, ở Nam kỳ có loạn, ông Thuật phụng mật-chiều đi vào tuần sát, mất ở trong ấy, Lúc biết tin, bà xin trạm đưa về, để chôn tại kinh ngọ. Bà có bài biểu bằng chữ Hán rất hay chép ở trong sách Đại-nam Liệt truyện.

LẠI-ĐỨC CÔNG-CHỦA

賴 德 公 主

Bà hiệu là Mai-am, tên tự là Diệu-liên, cũng là con gái đức Minh-Minh, lúc trẻ có tiếng thông minh khác vời, lại được giáo giục ở trong cung đình, nên thông khắp đồ thư truyện ký, nổi tiếng là bậc nữ lưu học giỏi.

Bà rất sở trường văn thơ, thường cùng ông Tùng ông Tuy đua chen trong trường bút chiến, tiếng dậy cả kinh thành, sau lấy ông Thân-Như, hai ông bà cùng nhau xướng họa, rất có phong thú, người đời truyền làm giai-thoại, bà có tập thơ chữ Hán, nhan là Diệu-liên thi tập.

Trong tập có bài ức-mai, đáng cho là một bài tuyệt xướng, các bậc danh-công cự-khanh trong triều đều kinh phục cao tài của bà, cho nên cu lià-đình có câu đề tập Diệu-liên rằng :

Ngâm đào ức mai thanh-vân tuyết

吟 到 憶 梅 清 韻 絕

Bất phòng biệt hiệu tác Mai-am

不 妨 別 號 作 梅 庵

Bài thơ ức-mai như sau này :

Lâm-dương tác giả sóc phong xuy

林 塘 散 夜 朔 風 吹

Tiền các thanh hầu độc tọa tri.

小 閣 清 寒 獨 坐 遲

Dịch lý quan-sơn sàu cừ khúc

笛 裏 開 山 愁 舊 曲

Thủy biên lý lạc nhân tiền-kỳ

水 邊 離 落 認 前 期

Hương nam tuyết bắc vô phương tấn

香 南 雪 北 無 芳 訊

Nguyệt địa vân giai hữu mộng tư

月 地 雲 階 有 夢 思

Dục bả tân-từ viễn tương-tặng

欲 把 新 詞 遠 相 贈

Mỹ-nhân uyển tại thủy chi my

美 人 宛 在 水 之 湄

CHUNG



MỤC LỤC

ĐẦU BÀI	SỐ TRANG
Minh-Đô Vương-Phi	1
Hồng-Hà Nữ Sĩ	6
Ni-Tần.	22
Trương-Quỳnh-Như	25
Ngọc-Hân Công-Chùa	31
Hồ-Xuân-Hương	42
Bà Huyện Thanh-Quan	46
Lê-Phi	50
Quận-Hoán	53
Trương-Ngọc-Trong	57
Tấn Quang Vương-Phi.	58
Nguyễn-Hoàn-Phi.	60
Bang-Nhôn.	64
Kim-Hoa Học-Sĩ.	66
Phạm-Lam-Anh	69
Thường-Sơn Công-Chùa	70
Nguyệt-Đình Công-Chùa	71
Lại-Đức Công-Chùa	72



MỜI XUẤT BẢN

Quốc-ngữ Đông-phương

Một mặt bìa có in bức ảnh chân-dung ông Mục-sư **Alexandre de Rhodes** làm ra chữ quốc ngữ.

Hai mặt bìa có vẽ các hình tròn, hình vuông, các đường cong, đường giãng, để các câu đồng sinh vui mắt nhận cho quen. Đủ vần bằng, vần trắc Vần trắc có lựa theo tiếng thanh âm tự nhiên của người ta xếp lại cho dễ đọc. Có mấy trang tập viết, 25 bài tập đọc, 10 câu phong-dao. Tập đọc, mỗi bài 4 câu, mỗi câu 4 chữ, phần nhiều xếp bằng câu tục-ngữ, để cho các câu đồng sinh dễ đọc, dễ hiểu, có thể dùng làm bài học thuộc lòng được.

Mà giá bán mỗi cuốn cũng chỉ 0 \$ 05.

Tổng phát hành :

ĐÔNG-PHƯƠNG THƯ-XÃ

65, Hàng Gai — Hanoi

Anh thư xong hiệp

Là hai người con gái có mừa lược, có chí khí, truyện rất lý thú, rất lý kỳ, đáng càng phụ thêm vào một mục Phụ-nữ-tản-văn ngày nay vậy.

Hanoi **ĐÔNG-PHƯƠNG** đại lý